

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp
trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 609/TTr-SNNMT ngày 03 tháng 8 năm 2026 và Báo cáo số 668/BC-SNNMT ngày 30 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tổ chức công bố Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, gửi đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng và cập nhật vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia theo quy định; thông báo đến các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu Phú Quý để triển khai thực hiện.

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu Phú Quý rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh định kỳ 05 năm một lần hoặc trong trường hợp cần thiết theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm: phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện lập, điều chỉnh, bổ sung Danh mục

hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh; phối hợp trong công tác tuyên truyền, quản lý, bảo vệ đối với các hồ, ao, đầm thuộc phạm vi quản lý của ngành, lĩnh vực.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu Phú Quý

a) Thông báo, phổ biến nội dung Quyết định này đến các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý hồ, ao, đầm thuộc Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh để biết và triển khai thực hiện theo quy định.

b) Thực hiện niêm yết công khai Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh tại trụ sở cơ quan, đơn vị.

c) Tuyên truyền phổ biến, nâng cao nhận thức cho cộng đồng dân cư trên địa bàn không xả chất thải chưa xử lý vào hồ, ao, đầm gây ô nhiễm nguồn nước, không được tự ý san lấp, cải tạo hồ, ao, đầm thuộc Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh.

d) Theo dõi, quản lý chặt chẽ không để xảy ra hoạt động san lấp hồ, ao, đầm trái phép trên địa bàn theo quy định; trường hợp phát hiện các hành vi vi phạm kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật.

đ) Thực hiện rà soát, đề xuất Sở Nông nghiệp và Môi trường đề tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật, bổ sung hoặc điều chỉnh đưa ra khỏi Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh đối với các hồ, ao, đầm thuộc địa bàn quản lý; các moong khai thác khoáng sản, đất, vật liệu xây dựng sau khi dừng khai thác đã đảm bảo các quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, môi trường, khoáng sản tạo thành hồ để điều hòa, tích trữ nước, cấp nước, tạo cảnh quan theo quy định.

4. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý hồ, ao, đầm, phá

a) Xây dựng kế hoạch quản lý, thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ và bảo vệ hồ, ao, đầm, phá không được san lấp; trường hợp phát hiện các hành vi vi phạm kịp thời phối hợp với cơ quan có thẩm quyền ở địa phương để xử lý theo quy định của pháp luật.

b) Sử dụng hồ, ao, đầm đúng mục đích, không được tự ý san lấp, cải tạo.

c) Kiểm soát chặt chẽ các hành vi lấn chiếm hồ, ao, đầm, phá xây dựng công trình trái phép, xả nước thải sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

d) Hồ, ao, đầm, phá trong danh mục không được san lấp được ưu tiên xem xét, xây dựng kè bờ bảo vệ các khu vực dễ bị san lấp, sạt lở; định kỳ nạo vét, lưu thông dòng chảy.

đ) Việc khai thác, sử dụng hồ, ao, đầm trong danh mục không được san lấp vào các mục đích (vui chơi giải trí, nuôi trồng thủy sản, du lịch...) phải được cấp có thẩm quyền cho phép.

5. Trách nhiệm của cộng đồng dân cư: Không được san lấp, lấn chiếm trái phép hồ, ao, đầm sử dụng cho mục đích cá nhân, các hành vi vi phạm các quy

định về quản lý, khai thác, sử dụng hồ, ao, đầm không được san lấp sẽ bị xử lý theo các quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

1. Quyết định số 1302/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng (cũ) ban hành Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

2. Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2023 của UBND tỉnh Bình Thuận (cũ) ban hành Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh Bình Thuận;

3. Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông (cũ) ban hành Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu Phú Quý; người đứng đầu các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (báo cáo);
- Cục Quản lý tài nguyên nước (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Lâm Đồng;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT_(TA).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Trọng Yên

Phụ lục. Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

STT	Tên	Mã hiệu	Vị trí hành chính (xã/phường)	Tọa độ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiếu 3°)		Diện tích mặt nước (Ha)	Dung tích toàn bộ (x10 ⁶ m ³)	Chức năng (1)	Lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Đơn vị quản lý
				X(m)	Y(m)					
1	Hồ thủy điện Đa Khai	LACDUONG01	Xã Lạc Dương	1336667	591685	120,800	9,950	(a)	x	Công ty CP điện Gia Lai - chi nhánh Lâm Đồng
2	Hồ thủy điện Đa Nhim Thượng 3	LACDUONG02	Xã Lạc Dương	1323825	589695	57,100	4,410	(a)	x	Công ty cổ phần Toàn Thắng Đạt
3	Hồ thủy điện Đạ Sar	LACDUONG03	Xã Lạc Dương	1331721	591081	12,000	2,244	(a)	x	Công ty cổ phần điện Đạ Sar
4	Hồ Kim Thạch	LANGBIANGDL01	Phường Langbiang - Đà Lạt	1323973	572127	1,800	-	(a)		UBND phường Lâm Viên - Đà Lạt
5	Hồ Số 7	LANGBIANGDL02	Phường Langbiang - Đà Lạt	1328579	574118	5,700	0,297	(a)	x	Trung tâm Quản lý ĐT&KT thủy lợi Lâm Đồng
6	Hồ suối Vàng (Đan Kia)	LANGBIANGDL03	Phường Langbiang - Đà Lạt	1328968	568870	233,930	11,640	(a)	x	Trung tâm Quản lý ĐT&KT thủy lợi Lâm Đồng
7	Hồ thủy điện Đa Dâng	LANGBIANGDL04	Phường Langbiang - Đà Lạt Xã Nam Hà Lâm Hà	1324783	560895	14,000	0,540	(a)	x	Công ty CP đầu tư và xây dựng điện Long Hội
8	Hồ thủy điện Suối Vàng (Ankroet)	LANGBIANGDL05	Phường Langbiang - Đà Lạt	1326290	567473	50,000	1,000	(a)	x	Công ty điện lực Lâm Đồng
9	Hồ Killkout	CAMLYDL01	Phường Cam ly - Đà Lạt	1316243	567897	2,660	0,093	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đà Lạt
10	Hồ Tà Nung	CAMLYDL02	Phường Cam ly - Đà Lạt	1317905	565047	4,270	0,012	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đà Lạt
11	Hồ Tập Đoàn 5 Cam Ly	CAMLYDL03	Phường Cam ly - Đà Lạt	1322276	569837	4,580	0,163	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đà Lạt
12	Hồ Vạn Thành 1	CAMLYDL04	Phường Cam ly - Đà Lạt	1320677	571268	1,500	0,059	(a)		Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đà Lạt

13	Hồ Vạn Thành 2 (Việt Tiến)	CAMLYDL05	Phường Cam ly - Đà Lạt	1321302	570906	1,300	0,032	(a)		Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đà Lạt
14	Hồ thủy điện Tà Nung	CAMLYDL06	Phường Cam Ly - Đà Lạt	1317169	563809	1,726	0,015	(a)		Công ty cổ phần thủy điện Tà Nung
15	Hồ Chiến Thắng	LAMVIENDL01	Phường Lâm Viên - Đà Lạt	1324281	577776	40,000	-	(a)	x	Học viện Lục Quân
16	Hồ Đa Thiện 1, 2	LAMVIENDL02	Phường Lâm Viên - Đà Lạt	1324724	575130	0,500	-	(a)		UBND phường Lâm Viên - Đà Lạt
17	Hồ Đa Thiện 3	LAMVIENDL03	Phường Lâm Viên - Đà Lạt	1325036	576108	14,360	0,889	(a,b)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đà Lạt
18	Hồ Lãng Số 1	LAMVIENDL04	Phường Lâm Viên - Đà Lạt	1321774	576315	1,800	0,044	(a)		Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đà Lạt
19	Hồ lãg số 4	LAMVIENDL05	Phường Lâm Viên - Đà Lạt	1321999	575954	1,270	0,025	(a)		Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đà Lạt
20	Hồ Mê Linh	LAMVIENDL06	Phường Lâm Viên - Đà Lạt	1322478	578288	4,470	0,170	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đà Lạt
21	Hồ Ổng Trùng	LAMVIENDL07	Phường Lâm Viên - Đà Lạt	1324467	578567	1,000	0,029	(a)		Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đà Lạt
22	Hồ Thái Phiên	LAMVIENDL08	Phường Lâm Viên - Đà Lạt	1325533	580193	4,700	0,103	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đà Lạt
23	Hồ Than Thở	LAMVIENDL09	Phường Lâm Viên - Đà Lạt	1322235	579081	9,160	0,210	(a,b)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đà Lạt
24	Hồ Vạn Kiếp	LAMVIENDL10	Phường Lâm Viên - Đà Lạt	1323140	574291	-	<0,500	(a)		UBND phường Lâm Viên - Đà Lạt
25	Hồ An Sơn	XUANHUONGDL01	Phường Xuân Hương - Đà Lạt	1319137	573838	1,000	-	(a)		UBND phường Xuân Hương - Đà Lạt
26	Hồ Lãng Số 2	XUANHUONGDL02	Phường Xuân Hương - Đà Lạt	1320509	575879	1,270	0,028	(a)		Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đà Lạt
27	Hồ Tâm Sự	XUANHUONGDL03	Phường Xuân Hương - Đà Lạt	1313955	576191	2,200	<0,500	(a)	x	UBND phường Xuân Hương - Đà Lạt
28	Hồ Tuyền Lâm	XUANHUONGDL04	Phường Xuân Hương - Đà Lạt	1315746	574351	325,900	27,849	(a,b)	x	Trung tâm Quản lý ĐT&KT thủy lợi Lâm Đồng
29	Hồ Xuân Hương	XUANHUONGDL05	Phường Xuân Hương - Đà Lạt	1320503	575011	40,000	1,200	(a,b)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đà Lạt
30	Hồ 26 Tháng 2 (Tự Phước)	XUANTRUONGDL01	Phường Xuân Trường - Đà Lạt	1320213	580548	3,000	0,114	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đà Lạt

31	Hồ Cầu Cháy	XUANTRUONGDL02	Phường Xuân Trường - Đà Lạt	1313051	584033	1,700	0,072	(a)		Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đà Lạt
32	Hồ Đa Quý	XUANTRUONGDL03	Phường Xuân Trường - Đà Lạt	1319456	582029	1,400	0,031	(a)		Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đà Lạt
33	Hồ Đất Làng	XUANTRUONGDL04	Phường Xuân Trường - Đà Lạt	1315287	586810	2,300	0,115	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đà Lạt
34	Hồ Hasfarm Xuân Thọ	XUANTRUONGDL05	Phường Xuân Trường - Đà Lạt	1318599	582406	1,500	-	(a)		Công ty TNHH Dalat Hasfarm
35	Hồ Lộc Quý	XUANTRUONGDL06	Phường Xuân Trường - Đà Lạt	1321289	583102	1,930	0,069	(a)		Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đà Lạt
36	Hồ Phát Chi - Trạm Hành	XUANTRUONGDL07	Phường Xuân Trường - Đà Lạt	1212603	589287	15,010	0,806	(a)	x	Trung tâm Quản lý ĐT&KT thủy lợi Lâm Đồng
37	Hồ Thành Lộc	XUANTRUONGDL08	Phường Xuân Trường - Đà Lạt	1321881	584010	1,800	0,045	(a)		Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đà Lạt
38	Hồ Trường Sơn	XUANTRUONGDL09	Phường Xuân Trường - Đà Lạt	1324073	576617	3,500	0,204	(a)	x	Trung tâm Quản lý ĐT&KT thủy lợi Lâm Đồng
39	Hồ Xuân Sơn	XUANTRUONGDL10	Phường Xuân Trường - Đà Lạt	1314026	585477	8,125	0,380	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đà Lạt
40	Hồ Xuân Thành	XUANTRUONGDL11	Phường Xuân Trường - Đà Lạt	1319369	562297	2,800	<0,500	(a)	x	UBND phường Xuân Trường - Đà Lạt
41	Hồ Bô Ka Bang	DONDUONG01	Xã Đơn Dương	1293952	571309	124,000	1,156	(a)	x	Trung tâm Quản lý ĐT&KT thủy lợi Lâm Đồng
42	Hồ Công Đoàn	DONDUONG02	Xã Đơn Dương	1295145	576748	4,000	0,167	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đơn Dương
43	Hồ Đà Lạt Milk	DONDUONG03	Xã Đơn Dương	1298578	574649	8,700	<0,500	(a)	x	Công ty cổ phần sữa Đà Lạt
44	Hồ Đa Ròn	DONDUONG04	Xã Đơn Dương	1302339	576022	550,000	5,520	(a)	x	Trung tâm Quản lý ĐT&KT thủy lợi Lâm Đồng
45	Hồ Hasfarm Đa Ròn	DONDUONG05	Xã Đơn Dương	1299379	574863	20,000	0,010	(a)	x	Công ty TNHH Dalat Hasfarm
46	Hồ Ma Đanh	DONDUONG06	Xã Đơn Dương	1291207	575815	9,000	0,420	(a)	x	Trung tâm Quản lý ĐT&KT thủy lợi Lâm Đồng
47	Hồ nhỏ Nghĩa Lập 3	DONDUONG07	Xã Đơn Dương	1304676	580028	0,160	-	(a)		Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đơn Dương

48	Hồ R'Lôm	DONDUONG08	Xã Đơn Dương	1290665	579582	15,000	0,500	(a)	x	Trung tâm Quản lý ĐT&KT thủy lợi Lâm Đồng
49	Hồ Sao Mai	DONDUONG09	Xã Đơn Dương	1293984	580776	8,790	0,730	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đơn Dương
50	Liên hồ Suối Địa, Cây Xoài, Số 7	DONDUONG10	Xã Đơn Dương	1298743	573845	9,300	0,110	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đơn Dương
51	Liên hồ Suối Thông A, B	DONDUONG11	Xã Đơn Dương	1299948	575947	1,000	0,040	(a)		Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đơn Dương
52	Hồ Tân Hiên	DRAN01	Xã Dran	1302119	588721	3,800	0,266	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đơn Dương
53	Hồ thủy điện Đa Nhim	DRAN02	Xã Dran	1311291	593369	970,000	165,000	(a)	x	Công ty CP thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
54	Hồ nhỏ Klongwe	KADO01	Xã Ka Đô	1301234	584545	5,000	<0,5	(a)	x	Dân tự quản lý
55	Hồ nhỏ Ya Ai	PROH01	Xã Próh	1294974	586419	6,000	<0,500	(a)	x	Dân tự quản lý
56	Hồ nhỏ Yang Kăng	QUANGLAP01	Xã Quảng Lập	1293481	578799	0,120	<0,500	(a)	x	Dân tự quản lý
57	Hồ P'Róh	QUANGLAP02	Xã Quảng Lập	1294796	587451	11,000	3,220	(a)	x	Trung tâm Quản lý ĐT&KT thủy lợi Lâm Đồng
58	Hồ Láng Bom	DUCTRONG01	Xã Đức Trọng	1293217	565308	35,528	<0,500	(a)	x	UBND xã Đức Trọng
59	Hồ Nam Sơn	DUCTRONG02	Xã Đức Trọng	1296008	565891	47,000	0,665	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đức Trọng
60	Hồ Bồng Lai	HIEPTHANH01	Xã Hiệp Thạnh	1300722	572871	19,100	-	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Di Linh
61	Hồ Lê Thứ	HIEPTHANH02	Xã Hiệp Thạnh	1310182	576831	4,000	0,080	(a)	x	UBND xã Hiệp Thạnh
62	Hồ thủy điện Đa R' cao	HIEPTHANH03	Xã Hiệp Thạnh	1305784	575280	9,600	0,040	(a)	x	Công ty CP Đầu tư và xây dựng thủy điện Hiệp Thạnh
63	Hồ thủy điện Đa Dâng 3	NINHGIA01	Xã Ninh Gia Xã Tân Hà Lâm Hà	1290515	552570	80,000	7,600	(a)	x	Công ty CP thủy điện Đa Dâng 3
64	Hồ thủy điện Đại Ninh	NINHGIA02	Xã Ninh Gia	1285536	561580	1.887,000	319,770	(a)		Công ty Thủy điện Đại Ninh
65	Hồ Ma Póh	TAHINE01	Xã Tà Hine	1263996	586352	20,500	1,220	(a)	x	Trung tâm Quản lý ĐT&KT thủy lợi Lâm Đồng
66	Hồ Núi Pô	TAHINE02	Xã Tà Hine	1276403	563813	4,100	0,410	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng

										khu vực Đức Trọng
67	Hồ Tà Hine 1	TAHINE03	Xã Tà Hine	1281033	565010	30,000	0,380	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đức Trọng
68	Hồ Tà Hine 2	TAHINE04	Xã Tà Hine	1281541	567845	4,000	0,180	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đức Trọng
69	Hồ Thôn 10	TAHINE05	Xã Tà Hine	1277061	563654	7,500	0,265	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đức Trọng
70	Hồ Thôn Sop	TAHINE06	Xã Tà Hine	1274794	570258	17,200	0,631	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đức Trọng
71	Hồ Yên Ngựa	TAHINE07	Xã Tà Hine	1275108	564970	6,200	0,248	(a)	x	Trung tâm Quản lý ĐT&KT thủy lợi Lâm Đồng
72	Hồ Cayan	TANANG01	Xã Tà Năng	1277398	579239	38,000	1,760	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đức Trọng
73	Hồ 3 Tháng 2	TANHOI01	Xã Tân Hội	1294521	558459	1,437	<0,500	(a)		Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đức Trọng
74	Hồ Bà Hòa	TANHOI02	Xã Tân Hội	1298191	563859	8,393	<0,500	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đức Trọng
75	Hồ Ba Râu	TANHOI03	Xã Tân Hội	1294949	558633	6,845	<0,500	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đức Trọng
76	Hồ Bon Rơm	TANHOI04	Xã Tân Hội	1299093	561100	1,707	<0,500	(a)		Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đức Trọng
77	Hồ Cây Đa	TANHOI05	Xã Tân Hội	1295942	560251	4,500	<0,500	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đức Trọng
78	Hồ Cống Ba	TANHOI06	Xã Tân Hội	1293736	557983	10,747	<0,500	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đức Trọng
79	Hồ Đa Me	TANHOI07	Xã Tân Hội	1299866	560851	1,754	<0,500	(a)		Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đức Trọng
80	Hồ Đoàn Kết	TANHOI08	Xã Tân Hội	1300245	560421	1,318	<0,500	(a)		Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đức Trọng
81	Hồ Đu Đủ	TANHOI09	Xã Tân Hội	1295620	560012	2,067	<0,500	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đức Trọng
82	Hồ Láng Bầu	TANHOI10	Xã Tân Hội	1296784	557225	5,118	<0,500	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đức Trọng
83	Hồ Láng Cam 1	TANHOI11	Xã Tân Hội	1294570	559919	4,514	1,200	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đức Trọng
84	Hồ Láng Cam	TANHOI12	Xã Tân Hội	1295150	560111	3,349	<0,500	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng

	2									khu vực Đức Trọng
85	Hồ Lý Danh	TANHOI13	Xã Tân Hội	1295333	556664	5,836	<0,500	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đức Trọng
86	Hồ Ông Bản	TANHOI14	Xã Tân Hội	1294605	555966	11,357	<0,500	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đức Trọng
87	Hồ Ông Hưng	TANHOI15	Xã Tân Hội	1293293	559831	5,413	<0,500	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đức Trọng
88	Hồ Sê Đăng	TANHOI16	Xã Tân Hội	1298633	562656	6,825	<0,500	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đức Trọng
89	Hồ Suối Dứa	TANHOI17	Xã Tân Hội	1295824	559672	5,840	<0,500	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đức Trọng
90	Hồ Tân Thuận	TANHOI18	Xã Tân Hội	1298327	556829	4,127	<0,500	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đức Trọng
91	Hồ thủy điện Đa Dâng 2	TANHOI19	Xã Tân Hội Xã Đinh Văn Lâm Hà	1296414	553861	39,800	0,912	(a)	x	Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam-Chi nhánh Lâm Đồng
92	Hồ Xóm 2	TANHOI20	Xã Tân Hội	1294376	557322	0,773	<0,500	(a)		Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đức Trọng
93	Hồ Xóm 6	TANHOI21	Xã Tân Hội	1295747	555501	0,964	<0,500	(a)		Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đức Trọng
94	Hồ Yang Ly (Nho Hồng)	TANHOI22	Xã Tân Hội	1298329	560155	5,227	<0,500	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đức Trọng
95	Hồ cảnh quan	DINHVANLAMHA01	Xã Đinh Văn Lâm Hà	1303584	553568	1,100	-	(a)		Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Lâm Hà
96	Hồ Tân Hòa	DINHVANLAMHA02	Xã Đinh Văn Lâm Hà	1301879	550340	4,200	0,120	(a)	x	UBND xã Đinh Văn Lâm Hà
97	Hồ 840 (Hồ Bộ Đội)	NAMBANLAMHA01	Xã Nam Ban Lâm Hà	1306119	553728	1,290	0,014	(a)		UBND xã Nam Ban Lâm Hà
98	Hồ Ba Đình	NAMBANLAMHA02	Xã Nam Ban Lâm Hà	1307885	563816	0,910	0,040	(a)		UBND xã Nam Ban Lâm Hà
99	Hồ Bãi Công Hạ	NAMBANLAMHA03	Xã Nam Ban Lâm Hà	1310773	562862	1,480	0,220	(a)		Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Lâm Hà
100	Hồ Bãi Công Thượng	NAMBANLAMHA04	Xã Nam Ban Lâm Hà	1310875	562373	2,110	0,128	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Lâm Hà
101	Hồ Buôn	NAMBANLAMHA05	Xã Nam Ban Lâm	1313198	559814	1,710	0,260	(a)		UBND xã Nam Ban Lâm Hà

	Chuỗi 1		Hà							
102	Hồ Buôn Chuỗi 2	NAMBANLAMHA06	Xã Nam Ban Lâm Hà	1314046	560330	1,150	0,063	(a)		UBND xã Nam Ban Lâm Hà
103	Hồ Gia Lâm	NAMBANLAMHA07	Xã Nam Ban Lâm Hà	1302472	562094	1,730	0,053	(a)		UBND xã Nam Ban Lâm Hà
104	Hồ Hang Hốt 1	NAMBANLAMHA08	Xã Nam Ban Lâm Hà	1316008	561265	0,460	0,009	(a)		UBND xã Nam Ban Lâm Hà
105	Hồ Hang Hốt 2	NAMBANLAMHA09	Xã Nam Ban Lâm Hà	1315147	560604	1,260	0,010	(a)		UBND xã Nam Ban Lâm Hà
106	Hồ Hang Hốt 3	NAMBANLAMHA10	Xã Nam Ban Lâm Hà	1314244	561633	1,700	0,030	(a)		UBND xã Nam Ban Lâm Hà
107	Hồ Thanh Hà	NAMBANLAMHA11	Xã Nam Ban Lâm Hà	1308523	565930	5,640	0,016	(a)	x	UBND xã Nam Ban Lâm Hà
108	Hồ Thanh Trì 1	NAMBANLAMHA12	Xã Nam Ban Lâm Hà	1307745	565546	3,430	0,150	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Lâm Hà
109	Hồ Thanh Trì 2	NAMBANLAMHA13	Xã Nam Ban Lâm Hà	1307348	565834	2,590	0,038	(a)	x	UBND xã Nam Ban Lâm Hà
110	Hồ Thực Nghiệm	NAMBANLAMHA14	Xã Nam Ban Lâm Hà	1312141	563407	6,010	0,914	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Lâm Hà
111	Hồ Từ Liêm	NAMBANLAMHA15	Xã Nam Ban Lâm Hà	1311119	563994	10,060	0,330	(a)	x	UBND xã Nam Ban Lâm Hà
112	Hồ Việt Phát	NAMBANLAMHA16	Xã Nam Ban Lâm Hà	1312072	563506	6,010	0,150	(a)	x	UBND xã Nam Ban Lâm Hà
113	Hồ Hoàn Kiếm 2	NAMHALAMHA01	Xã Nam Hà Lâm Hà	1310067	559816	2,700	0,320	(a)	x	UBND xã Nam Hà Lâm Hà
114	Hồ Hoàn Kiếm 3A	NAMHALAMHA02	Xã Nam Hà Lâm Hà	1309439	559724	1,600	0,180	(a)		UBND xã Nam Hà Lâm Hà
115	Hồ Hoàn Kiếm 3B	NAMHALAMHA03	Xã Nam Hà Lâm Hà	1311091	559263	1,030	0,110	(a)		UBND xã Nam Hà Lâm Hà
116	Hồ Mê Linh	NAMHALAMHA04	Xã Nam Hà Lâm Hà	1315615	564648	4,080	0,331	(a)	x	UBND xã Nam Hà Lâm Hà
117	Hồ Sinh Học	NAMHALAMHA05	Xã Nam Hà Lâm Hà	1312874	558470	0,870	0,018	(a)		UBND xã Nam Hà Lâm Hà
118	Hồ Thôn 4 Phi Tô	NAMHALAMHA06	Xã Nam Hà Lâm Hà	1312495	557222	6,150	0,055	(a)	x	UBND xã Nam Hà Lâm Hà
119	Hồ thủy điện Đa Cho Mo	NAMHALAMHA07	Xã Nam Hà Lâm Hà	1316372	559079	28,900	0,940	(a)	x	Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng điện Long Hội

120	Hồ thủy điện Đa Cho Mo 2	NAMHALAMHA08	Xã Nam Hà Lâm Hà	1314402	553805	8,700	0,100	(a)	x	Công ty cổ phần thủy điện Bồng Lai
121	Hồ Đa Tô Tôn	PHUCTHOLAMHA01	Xã Phúc Thọ Lâm Hà	1305514	545916	39,700	0,902	(a)	x	Trung tâm Quản lý ĐT&KT thủy lợi Lâm Đồng
122	Hồ Lãm Pô	PHUCTHOLAMHA02	Xã Phúc Thọ Lâm Hà	1305628	540000	11,000	0,531	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Lâm Hà
123	Hồ Nông Trường Phúc Thọ (Hồ Rì Hil)	PHUCTHOLAMHA03	Xã Phúc Thọ Lâm Hà	1305211	543931	11,300	0,540	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Lâm Hà
124	Hồ Phúc Thọ	PHUCTHOLAMHA04	Xã Phúc Thọ Lâm Hà	1304118	545159	86,000	2,926	(a)	x	Trung tâm Quản lý ĐT&KT thủy lợi Lâm Đồng
125	Hồ Thôn 1	PHUCTHOLAMHA05	Xã Phúc Thọ Lâm Hà	1301804	546381	24,830	0,894	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Lâm Hà
126	Hồ Thôn 3 Tân Thanh	PHUCTHOLAMHA06	Xã Phúc Thọ Lâm Hà	1300753	539539	34,530	1,554	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Lâm Hà
127	Hồ thủy điện Sar Deung	PHUCTHOLAMHA07	Xã Phúc Thọ Lâm Hà	1308390	544829	3,350	0,099	(a)	x	Công ty CP Đầu tư và phát triển điện Cao nguyên
128	Hồ thủy điện Sar Deung 2	PHUCTHOLAMHA08	Xã Phúc Thọ Lâm Hà Xã Đam Rông 1	1311064	541292	30,000	0,441	(a)	x	Công ty Cổ phần năng lượng Lâm Hà
129	Hồ thủy điện An Phước	PHUSONLAMHA01	Xã Phú Sơn Lâm Hà	1308274	548953	8,400	0,348	(a)	x	Công ty CP thủy điện Liên Gich
130	Hồ Đa Sa	TANHALAMHA01	Xã Tân Hà Lâm Hà	1295613	541533	24,580	0,895	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Lâm Hà
131	Hồ Đan Phượng 1	TANHALAMHA02	Xã Tân Hà Lâm Hà	1296247	547224	3,020	0,035	(a)	x	UBND xã Tân Hà Lâm Hà
132	Hồ Liên Hà (Hồ Nông trường 3)	TANHALAMHA03	Xã Tân Hà Lâm Hà	1295083	544508	61,350	1,486	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Lâm Hà
133	Hồ Phượng Lâm	TANHALAMHA04	Xã Tân Hà Lâm Hà	1293807	547113	1,940	0,042	(a)		UBND xã Tân Hà Lâm Hà
134	Hồ Thanh Sơn	TANHALAMHA05	Xã Tân Hà Lâm Hà	1294425	550661	0,870	0,017	(a)		UBND xã Tân Hà Lâm Hà
135	Hồ Thôn 5 Hoài Đức	TANHALAMHA06	Xã Tân Hà Lâm Hà	1301308	544284	2,130	0,050	(a)	x	UBND xã Tân Hà Lâm Hà
136	Hồ Thống Nhất	TANHALAMHA07	Xã Tân Hà Lâm Hà	1293642	549471	2,610	0,250	(a)	x	UBND xã Tân Hà Lâm Hà

137	Hồ Thủy Khai	TANHALAMHA08	Xã Tân Hà Lâm Hà	1293229	548155	5,150	0,260	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Lâm Hà
138	Hồ Bobla	DAMRONG101	Xã Đam Rông 1	1318285	537417	10,000	0,501	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đam Rông
139	Hồ Đa Na Hát	DAMRONG102	Xã Đam Rông 1	1316804	542316	2,000	0,050	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đam Rông
140	Hồ Di Linh	DAMRONG103	Xã Đam Rông 1	1319641	543116	2,000	0,050	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đam Rông
141	Hồ Làng Mông (Hồ Tiểu khu 212)	DAMRONG104	Xã Đam Rông 1	1323144	538655	74,000	1,300	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đam Rông
142	Hồ Lăng Tô	DAMRONG105	Xã Đam Rông 1	1319581	543644	5,000	0,350	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đam Rông
143	Hồ Phi Liêng	DAMRONG106	Xã Đam Rông 1	1323123	538630	4,800	1,300	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đam Rông
144	Hồ Trung Tâm 1	DAMRONG107	Xã Đam Rông 1	1319142	542413	1,000	<0,500	(a)		Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đam Rông
145	Hồ Trung Tâm 2	DAMRONG108	Xã Đam Rông 1	1319058	543046	6,029	0,500	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đam Rông
146	Đập thủy lợi Bằng Lăng	DAMRONG201	Xã Đam Rông 2	1333695	542245	12,120	0,121	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đam Rông
147	Hồ cảnh quan Đam Rông	DAMRONG202	Xã Đam Rông 2	1333831	542975	1,850	0,042	(a)		Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đam Rông
148	Hồ Thôn 5	DAMRONG203	Xã Đam Rông 2	1341431	547892	3,200	0,500	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đam Rông
149	Hồ Đa Chao	DAMRONG301	Xã Đam Rông 3	1344921	542238	28,570	1,547	(a)	x	Trung tâm Quản lý ĐT&KT thủy lợi Lâm Đồng
150	Liên hồ Đa Tiếng Tan	DAMRONG302	Xã Đam Rông 3	1343654	553224	35,528	<0,500	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đam Rông
151	Hồ Đa Nòng 1	DAMRONG401	Xã Đam Rông 4	1347009	556035	11,500	0,410	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đam Rông
152	Hồ Đa Nòng 2	DAMRONG402	Xã Đam Rông 4	1349121	555953	5,210	0,270	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đam Rông
153	Hồ thủy điện Krông Nô 2	DAMRONG403	Xã Đam Rông 4	1355224	565727	91,660	9,356	(a)	x	Công ty cổ phần thủy điện Trung Nam, Krông Nô
154	Hồ thủy điện	DAMRONG404	Xã Đam Rông 4	1350541	557991	174,700	18,640	(a)	x	Công ty cổ phần thủy điện

	Krông Nô 3									Trung Nam - Krông Nô
155	Hồ thủy điện Yan Tann Sien	DAMRONG405	Xã Đam Rông 4	1344035	568261	18,700	0,355	(a)	x	Công ty CP điện Cao Nguyên - Sông Đà 7
156	Hồ thủy điện Đắk Mê 1, 2	DAMRONG406	Xã Đam Rông 4	1341914	561119	2,100	0,127	(a)	x	Công ty cổ phần thủy điện Đắk Mê
157	Hồ 3 Tháng 2	BAOTHUAN01	Xã Bảo Thuận	1286573	541158	5,380	0,150	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Di Linh
158	Hồ chứa nhỏ thôn Gia Bắc	BAOTHUAN02	Xã Bảo Thuận	1288178	536551	3,000	0,500	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Di Linh
159	Hồ Ka La	BAOTHUAN03	Xã Bảo Thuận	1276501	538931	311,270	18,890	(a,b)	x	Trung tâm Quản lý ĐT&KT thủy lợi Lâm Đồng
160	Hồ Trại Heo	BAOTHUAN04	Xã Bảo Thuận	1284699	541812	11,960	0,455	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Di Linh
161	Hồ Đạ New	DILINH01	Xã Di Linh	1281586	527790	2,000	0,110	(a)	x	UBND xã Di Linh
162	Hồ Đăng Rách 1	DILINH02	Xã Di Linh	1278197	535178	5,200	-	(a)	x	Cty Chè - Cà Phê Di Linh
163	Hồ Đăng Rách 2	DILINH03	Xã Di Linh	1276280	534327	1,800	-	(a)		Cty Chè - Cà Phê Di Linh
164	Hồ Đăng Rách 3	DILINH04	Xã Di Linh	1277368	534853	0,800	-	(a)		Cty Chè - Cà Phê Di Linh
165	Hồ Đồi 1019	DILINH05	Xã Di Linh	1284725	534970	26,600	1,080	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Di Linh
166	Hồ Đông Di Linh	DILINH06	Xã Di Linh	1282919	535934	15,190	0,670	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Di Linh
167	Hồ Nhật (Đồng Đò)	DILINH07	Xã Di Linh	1283558	537256	1,260	0,013	(a)		Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Di Linh
168	Hồ số 2	DILINH08	Xã Di Linh	1279868	531078	0,214	<0,500	(a)		UBND xã Di Linh
169	Hồ số 1	DILINH09	Xã Di Linh	1280442	528833	1,780	<0,500	(a)		UBND xã Di Linh
170	Hồ Tây Di Linh	DILINH10	Xã Di Linh	1280668	533238	53,720	1,800	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Di Linh
171	Hồ Thôn 3&4 xã Tân Châu	DILINH11	Xã Di Linh	1283181	532537	15,450	0,710	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Di Linh
172	Hồ Long Kuh	DILINH12	Xã Di Linh	1276494	536803	14,170	0,670	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Di Linh
173	Hồ thủy điện	DILINH13	Xã Di Linh	1276900	529648	4,100	0,077	(a)	x	Công ty TNHH SXTM Thiết bị

	Đa Trou Kea									điện và cơ khí Nhật Anh
174	Hồ thủy điện Đồng Nai 2	DILINH14	Xã Di Linh Xã Đinh Trang Thượng Xã Bảo Thuận Xã Gia Hiệp	1295226	533193	1.213,000	281,000	(a)	x	Công ty cổ phần thủy điện Trung Nam
175	Hồ Đa Ngơ	DINHTRANGTHUONG01	Xã Đinh Trang Thượng	1297483	524006	1,200	-	(a)		UBND xã Đinh Trang Thượng
176	Hồ Đa Sro 1	DINHTRANGTHUONG02	Xã Đinh Trang Thượng	1289230	530254	3,740	0,086	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Di Linh
177	Hồ Đa Sro 2	DINHTRANGTHUONG03	Xã Đinh Trang Thượng	1294212	524380	11,090	0,560	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Di Linh
178	Hồ Đa Trê	DINHTRANGTHUONG04	Xã Đinh Trang Thượng	1293011	527680	7,380	0,272	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Di Linh
179	Hồ Đinh Trang Thượng 1	DINHTRANGTHUONG05	Xã Đinh Trang Thượng	1296675	523131	9,470	0,419	(a)	x	Trung tâm Quản lý ĐT&KT thủy lợi Lâm Đồng
180	Hồ Đinh Trang Thượng 2	DINHTRANGTHUONG06	Xã Đinh Trang Thượng	1294446	522954	5,210	0,211	(a)	x	Trung tâm Quản lý ĐT&KT thủy lợi Lâm Đồng
181	Hồ Thôn 4 Tân Thượng	DINHTRANGTHUONG07	Xã Đinh Trang Thượng	1289812	527024	6,420	0,273	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Di Linh
182	Hồ Tiêu Khu 608	DINHTRANGTHUONG08	Xã Đinh Trang Thượng	1300928	522472	3,830	0,158	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Di Linh
183	Hồ Huyện Đội	GIAHIEP01	Xã Gia Hiệp	1284577	545707	1,500	0,400	(a)		Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Di Linh
184	Hồ Liên Hoàn 1	GIAHIEP02	Xã Gia Hiệp	1284881	546528	7,390	0,154	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Di Linh
185	Hồ Liên Hoàn 2	GIAHIEP03	Xã Gia Hiệp	1284925	546683	4,100	0,100	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Di Linh
186	Hồ Liên Hoàn 3	GIAHIEP04	Xã Gia Hiệp	1284953	546983	1,400	0,040	(a)		Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Di Linh
187	Hồ thủy điện Đồng Nai 1	GIAHIEP05	Xã Gia Hiệp Xã Tân Hà Lâm Hà	1289867	549685	70,000	3,170	(a)	x	Công ty CP năng lượng Di Linh
188	Hồ Đa R' Bo	HOABAC01	Xã Hòa Bắc	1264938	525559	17,000	0,773	(a)	x	BQL Rừng Tân Thượng - Hòa Bắc
189	Hồ Kon Rum	HOABAC02	Xã Hòa Bắc	1270882	520987	17,800	0,500	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Di Linh

190	Hồ La Ôn	HOABAC03	Xã Hòa Bắc	1269051	524178	6,000	0,400	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Di Linh
191	Hồ Thôn 11	HOABAC04	Xã Hòa Bắc	1264745	517053	0,120	-	(a)		BQL Rừng Tân Thượng - Hòa Bắc
192	Hồ Thôn 11 A	HOABAC05	Xã Hòa Bắc	1264201	522755	1,200	-	(a)		BQL Rừng Tân Thượng - Hòa Bắc
193	Hồ Thôn 11 B	HOABAC06	Xã Hòa Bắc	1263862	522714	0,230	-	(a)		BQL Rừng Tân Thượng - Hòa Bắc
194	Hồ Thôn 13	HOABAC07	Xã Hòa Bắc	1263530	515914	0,800	-	(a)		BQL Rừng Tân Thượng - Hòa Bắc
195	Hồ Thôn 4	HOABAC08	Xã Hòa Bắc	1267040	516216	0,250	-	(a)		BQL Rừng Tân Thượng - Hòa Bắc
196	Hồ 19 tháng 8	HOANINH01	Xã Hòa Ninh	1276547	520316	1,600	0,050	(a)		Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Di Linh
197	Hồ Nam Ninh	HOANINH02	Xã Hòa Ninh	1274534	518781	3,300	0,250	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Di Linh
198	Hồ Sek Lào	HOANINH03	Xã Hòa Ninh	1280180	520425	21,440	1,389	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Di Linh
199	Hồ Số 2	HOANINH04	Xã Hòa Ninh	1277735	520935	5,880	0,300	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Di Linh
200	Hồ Số 4 (Đập 2 Đình Trang Hòa)	HOANINH05	Xã Hòa Ninh	1280375	521703	5,390	0,275	(a)	x	UBND xã Hòa Ninh
201	Hồ Số 6	HOANINH06	Xã Hòa Ninh	1279425	522220	20,630	0,528	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Di Linh
202	Hồ Thôn 4	HOANINH07	Xã Hòa Ninh	1275859	520554	0,800	0,025	(a)		UBND xã Hòa Ninh
203	Hồ Thôn 9 xã Hòa Trung	HOANINH08	Xã Hòa Ninh	1273690	524058	18,000	1,085	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Di Linh
204	Hồ Đa Hiông	SONDIEN01	Xã Sơn Điền	1253463	536365	0,850	0,030	(a)		Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Di Linh
205	Hồ Hà Giang	SONDIEN02	Xã Sơn Điền	1253922	535656	1,000	0,250	(a)		Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Di Linh
206	Hồ Nao Sẻ	SONDIEN03	Xã Sơn Điền	1255411	536268	0,600	0,050	(a)		Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Di Linh
207	Hồ Cai Bằng	BAOLAM101	Xã Bảo Lâm 1	1288349	508643	223,600	17,210	(a)	x	Công ty Bauxit Nhôm Lâm Đồng

208	Hồ Lâm Trường	BAOLAM102	Xã Bảo Lâm 1	1286817	509104	2,200	0,050	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Bảo Lâm
209	Hồ Lộc Thắng	BAOLAM103	Xã Bảo Lâm 1	1284619	508460	217,500	7,430	(a)	x	Trung tâm Quản lý ĐT&KT thủy lợi Lâm Đồng
210	Hồ Tân Rai	BAOLAM104	Xã Bảo Lâm 1	1286377	506805	90,000	1,400	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Bảo Lâm
211	Hồ Thôn 4	BAOLAM105	Xã Bảo Lâm 1	1283614	506554	0,650	0,018	(a)		Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Bảo Lâm
212	Hồ Thôn 5 Lộc Quảng	BAOLAM106	Xã Bảo Lâm 1	1284242	505009	2,000	0,030	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Bảo Lâm
213	Hồ An Bình	BAOLAM201	Xã Bảo Lâm 2	1276060	518308	2,000	<0,500	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Bảo Lâm
214	Hồ Đăg Lẻ	BAOLAM202	Xã Bảo Lâm 2	1288880	518764	37,200	2,301	(a)	x	Trung tâm Quản lý ĐT&KT thủy lợi Lâm Đồng
215	Hồ Đăk Lông Thượng	BAOLAM203	Xã Bảo Lâm 2	1289402	519196	90,000	11,663	(a)	x	Trung tâm Quản lý ĐT&KT thủy lợi Lâm Đồng
216	Hồ Nông trường	BAOLAM204	Xã Bảo Lâm 2	1277031	514064	4,000	0,880	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Bảo Lâm
217	Hồ thủy điện Tân Lộc	BAOLAM205	Xã Bảo Lâm 2	1273345	514773	15,000	0,620	(a)	x	Công ty cổ phần HPD Tân Lộc
218	Hồ Thôn 10	BAOLAM301	Xã Bảo Lâm 3	1261345	509636	8,500	0,228	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Bảo Lâm
219	Hồ Thôn 2	BAOLAM302	Xã Bảo Lâm 3	1262636	511711	0,500	0,500	(a)		Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Bảo Lâm
220	Hồ thủy điện Bảo Lộc	BAOLAM303	Xã Bảo Lâm 3 Xã Hòa Bắc	1263138	513511	93,000	4,370	(a)	x	Công ty CP VRG Bảo Lộc
221	Hồ Đa Rhang Blang	BAOLAM401	Xã Bảo Lâm 4	1299651	509129	7,560	4,200	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Bảo Lâm
222	Hồ Thôn 1 Lộc Phú	BAOLAM402	Xã Bảo Lâm 4	1299422	509142	7,000	0,260	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Bảo Lâm
223	Hồ Thôn 3 B'Lá	BAOLAM403	Xã Bảo Lâm 4	1293141	496867	8,500	0,353	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Bảo Lâm
224	Hồ thủy điện Đa Kai	BAOLAM404	Xã Bảo Lâm 4	1301907	507899	2,400	0,174	(a)	x	Công ty TNHH thủy điện Đa Kai
225	Hồ thủy điện Đồng Nai 3	BAOLAM405	Xã Bảo Lâm 4 Xã Đinh Trang	1312972	514897	5.518,100	1.690,000	(a)	x	Công ty thủy điện Đồng Nai

			Thượng Xã Phúc Thọ Lâm Hà Xã Tà Đùng Xã Quảng Khê							
226	Hồ thủy lợi Bầu Địa thôn 3 Lộc Lâm (hồ Lộc Lâm)	BAOLAM406	Xã Bảo Lâm 4	1300535	506016	4,020	2,520	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Bảo Lâm
227	Hồ thủy lợi Đa Nhàng (Hồ Thôn 1 Lộc Lâm)	BAOLAM407	Xã Bảo Lâm 4	1300977	504748	1,500	0,900	(a)		Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Bảo Lâm
228	Hồ thủy lợi Thôn Nao Quang	BAOLAM408	Xã Bảo Lâm 4	1296391	514718	6,700	3,400	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Bảo Lâm
229	Hồ Đắk Ka	BAOLAM501	Xã Bảo Lâm 5	1297810	487005	13,000	0,320	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Bảo Lâm
230	Hồ HT1 Lộc Bảo	BAOLAM502	Xã Bảo Lâm 5	1300400	488064	26,000	0,276	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Bảo Lâm
231	Hồ Thôn 2 Lộc Bảo	BAOLAM503	Xã Bảo Lâm 5	1298759	489101	15,000	0,160	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Bảo Lâm
232	Hồ Thôn 4 Lộc Bắc	BAOLAM504	Xã Bảo Lâm 5	1294161	487814	11,000	0,560	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Bảo Lâm
233	Hồ thủy điện Đa Siat	BAOLAM505	Xã Bảo Lâm 5	1308383	488400	16,400	0,462	(a)	x	Công ty CP thủy điện Miền Nam
234	Hồ thủy điện Đam Bol - Đa Têh	BAOLAM506	Xã Bảo Lâm 5	1291502	488567	13,600	0,066	(a)	x	Công ty CP điện Bảo Tân
235	Hồ thủy điện Đồng Nai 4	BAOLAM507	Xã Bảo Lâm 5 Xã Quảng Khê Xã Bảo Lâm 4	1314351	497500	832,000	337,200	(a)	x	Công ty thủy điện Đồng Nai
236	Hồ thủy điện Đồng Nai 5	BAOLAM508	Xã Bảo Lâm 5 Xã Kiến Đức Xã Quảng Tín	1304103	478461	835,000	72,000	(a)	x	Công ty thủy điện Đồng Nai
237	Hồ 28 Tháng 3	BLAO01	Phường B'lao	1274491	505926	5,000	0,089	(a)	x	UBND phường B'Lao

238	Hồ thủy điện Đại Nga	BLAO02	Phường B'lao Xã Bảo Lâm 2	1276058	513235	19,800	0,458	(a)	x	Công ty CP Mỹ Hưng Tây Nguyên
239	Hồ thủy điện Đại Bình	BLAO03	Phường B'lao Xã Bảo Lâm 2 Xã Bảo Lâm 3	1271608	510703	100,000	6,681	(a)	x	Công ty cổ phần điện Bình Thủy Lâm Đồng
240	Hồ Đồng Nai	P1BAOLOC01	Phường 1 Bảo Lộc	1276647	506077	2,000	<0,500	(a)	x	Công ty CP Công trình đô thị Bảo Lộc
241	Hồ Lộc Thanh	P1BAOLOC02	Phường 1 Bảo Lộc	1280511	511795	30,000	1,167	(a)	x	UBND phường 1 Bảo Lộc
242	Hồ Nam Phương	P1BAOLOC03	Phường 1 Bảo Lộc	1279514	507172	55,000	1,530	(a)	x	UBND phường 1 Bảo Lộc
243	Hồ Nam Phương 2 (Hà Giang)	P1BAOLOC04	Phường 1 Bảo Lộc	1278644	507663	20,000	0,814	(a)	x	UBND phường 1 Bảo Lộc
244	Hồ Suối Địa	P1BAOLOC05	Phường 1 Bảo Lộc	1280980	513043	1,000	<0,500	(a)		UBND phường 1 Bảo Lộc
245	Hồ Thôn 3	P1BAOLOC06	Phường 1 Bảo Lộc	1280680	504881	1,600	0,050	(a)		Công ty CP Kôhinda
246	Hồ thủy điện Lộc Phát	P1BAOLOC07	Phường 1 Bảo Lộc	1277358	508984	3,700	0,038	(a)	x	Công ty điện lực Lâm Đồng
247	Hồ Tâm Châu	P2BAOLOC01	Phường 2 Bảo Lộc	1282511	498660	20,220	0,010	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Bảo Lộc
248	Hồ Thôn 12	P2BAOLOC02	Phường 2 Bảo Lộc	1287274	499138	2,000	0,020	(a)	x	Công ty CP Kôhinda
249	Hồ Thôn 2 Lộc Tân	P2BAOLOC03	Phường 2 Bảo Lộc	1279595	501228	3,000	0,048	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Bảo Lộc
250	Hồ Thôn 3 Lộc Tân	P2BAOLOC04	Phường 2 Bảo Lộc	1280787	501310	14,000	0,483	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Bảo Lộc
251	Hồ Thôn 6	P2BAOLOC05	Phường 2 Bảo Lộc	1282355	504721	2,000	0,020	(a)	x	UBND phường 2 Bảo Lộc
252	Hồ Thôn 9	P2BAOLOC06	Phường 2 Bảo Lộc	1282510	503132	5,000	0,180	(a)	x	Công ty CP Kôhinda
253	Hồ thủy điện Đam Bri 1	P2BAOLOC07	Phường 2 Bảo Lộc	1286850	498039	8,000	0,531	(a)	x	Công ty CP Đầu tư phát triển Đam bri
254	Hồ thủy điện Đa M'Bri	P2BAOLOC08	Phường 2 Bảo Lộc Xã Đa Huoai 2 Xã Đa Tẻh 2	1281113	491334	279,000	56,290	(a)	x	Công ty CP thủy điện Miền Nam - CN Lâm Đồng
255	Hồ thủy điện Đa Br'len	P2BAOLOC09	Phường 2 Bảo Lộc	1279573	498164	17,000	0,967	(a)	x	Công ty cổ phần điện Đa Br'len
256	Hồ Mai Thành	P3BAOLOC01	Phường 3 Bảo Lộc	1275864	500537	21,000	0,790	(a)	x	UBND phường 3 Bảo Lộc

257	Đầm Bàu Chuối	DAHUOAI01	Xã Đạ Huoai	1265306	477441	0,300	0,009	(a)		UBND xã Đạ Huoai
258	Đầm Bàu đá	DAHUOAI02	Xã Đạ Huoai	1265613	477563	0,400	0,015	(a)		UBND xã Đạ Huoai
259	Hồ cảnh quan Madagui	DAHUOAI03	Xã Đạ Huoai	1259142	476322	2,700	0,046	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đạ Huoai
260	Hồ Đạ Liông	DAHUOAI04	Xã Đạ Huoai	1260788	477817	18,000	1,184	(a)	x	Trung tâm Quản lý ĐT&KT thủy lợi Lâm Đồng
261	Hồ Khu Phố 4	DAHUOAI05	Xã Đạ Huoai	1260336	475664	6,000	0,289	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đạ Huoai
262	Hồ lãng	DAHUOAI06	Xã Đạ Huoai	1259122	476540	0,340	-	(a)		Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đạ Huoai
263	Hồ Đạ Đăk	DAHUOAI201	Xã Đạ Huoai 2	1267007	485828	4,420	0,363	(a)	x	Trung tâm Quản lý ĐT&KT thủy lợi Lâm Đồng
264	Hồ Đạ Kon Bos	DAHUOAI301	Xã Đạ Huoai 3	1256705	488925	7,000	0,217	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đạ Huoai
265	Hồ Đạ Hàm	DATEH01	Xã Đạ Tẻh	1276092	467603	142,900	3,816	(a,b)	x	Trung tâm Quản lý ĐT&KT thủy lợi Lâm Đồng
266	Hồ Đạ Lây	DATEH02	Xã Đạ Tẻh	1282934	464721	111,100	8,389	(a)	x	Trung tâm Quản lý ĐT&KT thủy lợi Lâm Đồng
267	Hồ Hương Thanh - Hương Sơn	DATEH03	Xã Đạ Tẻh	1280126	466797	15,525	0,971	(a)	x	Trung tâm quản lý ĐT&KT thủy lợi Lâm Đồng
268	Hồ Tổ Lan	DATEH04	Xã Đạ Tẻh	1277495	470359	4,000	0,283	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đạ Huoai
269	Hồ Thạch Thất	DATEH201	Xã Đạ Tẻh 2	1271104	472726	12,450	0,547	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đạ Huoai
270	Hồ Thôn 10	DATEH202	Xã Đạ Tẻh 2	1267049	469047	37,790	2,310	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đạ Huoai
271	Hồ Con Ó	DATEH301	Xã Đạ Tẻh 3	1283088	479117	4,000	0,500	(a)	x	UBND xã Đạ Tẻh 3
272	Hồ Đạ Nhar	DATEH302	Xã Đạ Tẻh 3	1282778	472252	11,900	0,940	(a)	x	Trung tâm Quản lý ĐT&KT thủy lợi Lâm Đồng
273	Hồ Đạ Tẻh	DATEH303	Xã Đạ Tẻh 3	1279371	478855	420,000	24,000	(a,b)	x	Trung tâm Quản lý ĐT&KT thủy lợi Lâm Đồng
274	Hồ Thôn 5	DATEH304	Xã Đạ Tẻh 3	1282727	472392	47,640	3,940	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đạ Huoai

275	Hồ Mỹ Trung	CATTIEN01	Xã Cát Tiên	1284122	463214	13,000	0,836	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Di Linh
276	Hồ Ninh Trung	CATTIEN02	Xã Cát Tiên	1288133	463329	15,047	0,500	(a)	x	UBND xã Cát Tiên
277	Hồ Tư Nghĩa	CATTIEN03	Xã Cát Tiên	1278916	462314	53,000	2,390	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đạ Huoai
278	Hồ Phước Hải	CATTIEN201	Xã Cát Tiên 2	1284197	451771	4,016	<0,500	(a)	x	UBND xã Cát Tiên 2
279	Hồ Phước Trung	CATTIEN202	Xã Cát Tiên 2	1283940	453015	43,000	3,183	(a)	x	Trung tâm Quản lý ĐT&KT thủy lợi Lâm Đồng
280	Hồ Bê Đê	CATTIEN301	Xã Cát Tiên 3	1298058	469641	4,100	0,210	(a)	x	Trung tâm Quản lý ĐT&KT thủy lợi Lâm Đồng
281	Hồ Đạ Bo B	CATTIEN302	Xã Cát Tiên 3	1288562	458711	16,000	0,680	(a)	x	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đạ Huoai
282	Hồ Đăk Lô	CATTIEN303	Xã Cát Tiên 3	1285789	456143	199,490	13,630	(a)	x	Trung tâm Quản lý ĐT&KT thủy lợi Lâm Đồng
283	Hồ Trà Tân	TRATAN01	Xã Trà Tân	1224736	471745	168,120	3,290	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
284	Đập Dâng Tà Pao	DONGKHO01	Xã Đồng Kho	1230572	499470	89,000	2,330	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
285	Ao Nguyễn Đầu	NGHIDUC01	Xã Nghị Đức	1240800	489664	0,300	0,020	(a)		UBND xã Nghị Đức
286	Bàu 7 mẫu	NGHIDUC02	Xã Nghị Đức	1236431	487499	3,800	0,076	(a)	x	UBND xã Nghị Đức
287	Bàu Láng (Bàu Sơn)	NGHIDUC03	Xã Nghị Đức	1238912	486277	2,200	0,035	(a)	x	UBND xã Nghị Đức
288	Bàu Láng (Bàu Việt)	NGHIDUC04	Xã Nghị Đức	1239754	486723	0,520	0,0052	(a)		UBND xã Nghị Đức
289	Bàu Thành (Bàu Như)	NGHIDUC05	Xã Nghị Đức	1240061	487124	0,280	0,0034	(a)		UBND xã Nghị Đức
290	Hồ Bảy Đình	NGHIDUC06	Xã Nghị Đức	1239871	490377	1,000	0,02	(a)		UBND xã Nghị Đức
291	Hồ Hoàng Đan	NGHIDUC07	Xã Nghị Đức	1239791	490377	0,800	0,0128	(a)		UBND xã Nghị Đức
292	Hồ UBND xã quản lý	NGHIDUC08	Xã Nghị Đức	1248722	486581	0,800	0,016	(a)		UBND xã Nghị Đức
293	Hồ Lâm Trường Sông Dinh	SUOIKIET01	Xã Suối Kiết	1210111	490161	-	0,170	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
294	Hồ Biển Lạc	TANHLINH01	Xã Tánh Linh	1234028	482806	1.314,780	17,700	(a)	x	UBND xã Tánh Linh

295	Hồ Sông Dinh 3	HAMTAN01	Xã Hàm Tân Xã Tân Minh	1192868	491854	634,400	58,130	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
296	Hồ Tân Hà	HAMTAN02	Xã Hàm Tân	1189479	499644	-	0,260	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
297	Hồ Sông Phan	TANLAP01	Xã Tân Lập Xã Suối Kiết	1206502	501273	57,53	3,023	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
298	Hồ Tà Mon	TANLAP02	Xã Tân Lập	1201756	505480	28,451	0,670	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
299	Hồ Tân Lập	TANLAP03	Xã Tân Lập	1201736	513581	44,040	1,240	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
300	Hồ Núi Đất	TANHAI01	Xã Tân Hải	1186846	507094	190,79	7,956	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
301	Hồ Bà Ký	HAMKIEM01	Xã Hàm Kiệm	1208329	524877	-	0,060	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
302	Hồ Đu Đủ	HAMKIEM02	Xã Hàm Kiệm Xã Hàm Thuận Nam	1205695	517491	112,000	3,618	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
303	Hồ Ba Bàu	HAMTHANH01	Xã Hàm Thạnh	1212967	518988	259,710	5,796	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
304	Hồ Sông Móng	HAMTHANH02	Xã Hàm Thạnh	1214130	511875	527,600	37,160	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
305	Hồ Suối Thị 1 (Hồ Suối Thị)	HAMTHANH03	Xã Hàm Thạnh	1218644	523551	17,910	0,348	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
306	Hồ Ông Xã	TUYENQUANG01	Xã Tuyên Quang	1210628	530106	-	0,020	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
307	Hồ Saloun	DONGGIANG01	Xã Đông Giang	1236528	524096	23,778	1,146	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
308	Hồ thủy điện Đan Sách	DONGGIANG02	Xã Đông Giang	1245764	527223	6,000	-	(a)	x	Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh điện 586
309	Hồ thủy điện Đan Sách 2	DONGGIANG03	Xã Đông Giang	1242910	528272	4,500	0,253	(a)	x	Công ty cổ phần năng lượng tái tạo OBC
310	Hồ thủy điện Đan Sách 3	DONGGIANG04	Xã Đông Giang	1242135	528880	1,000	0,140	(a)		Công ty cổ phần năng lượng tái tạo OBC
311	Hồ Bà Niên	HAMLIEM01	Xã Hàm Liêm	1216141	535111	-	0,175	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
312	Hồ Bông Dâu	HAMLIEM02	Xã Hàm Liêm	1217271	536800	9,410	0,113	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận

313	Hồ Cây Bông	HAMLIEM03	Xã Hàm Liêm	1213269	536174	6,230	0,120	(a)	x	UBND xã Hàm Liêm
314	Hồ Chùm Gang	HAMLIEM04	Xã Hàm Liêm	1214953	537654	-	0,020	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
315	Hồ Đá Mang	HAMLIEM05	Xã Hàm Liêm	1216404	535994	-	0,048	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
316	Hồ Đạo	HAMLIEM06	Xã Hàm Liêm	1217584	537995	-	0,047	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
317	Hồ Dòng	HAMLIEM07	Xã Hàm Liêm	1221536	538618	-	0,110	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
318	Hồ Găng Làng	HAMLIEM08	Xã Hàm Liêm	1216700	535448	-	0,717	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
319	Hồ Giếng Cỏ	HAMLIEM09	Xã Hàm Liêm	1220685	537521	8,200	0,092	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
320	Hồ Học Tám	HAMLIEM10	Xã Hàm Liêm	1215503	533298	42,840	0,750	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
321	Hồ Sau	HAMLIEM11	Xã Hàm Liêm	1215778	534853	-	0,200	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
322	Hồ Thiểm	HAMLIEM12	Xã Hàm Liêm	1217445	536137	-	0,164	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
323	Hồ Trước	HAMLIEM13	Xã Hàm Liêm	1215398	534667	-	0,035	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
324	Hồ Sông Khán	HAMTHUANBAC01	Xã Hàm Thuận Bắc	1239873	542981	51,5220	1,990	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
325	Hồ Sông Quao	HAMTHUANBAC02	Xã Hàm Thuận Bắc	1235148	542707	545,000	81,720	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
326	Hồ Suối Trâm	HAMTHUANBAC03	Xã Hàm Thuận Bắc	1232233	537500	13,880	0,278	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
327	Hồ Cà Giang - Hồng Sơn	HONGSON01	Xã Hồng Sơn	1225449	545291	-	0,134	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
328	Hồ Suối Đá	HONGSON02	Xã Hồng Sơn Xã Hàm Thuận Bắc	1230178	547284	325,125	9,131	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
329	Hồ Đaguiry	LADA01	Xã La Dạ	1244755	514191	67,580	3,042	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
330	Hồ Đatrian	LADA02	Xã La Dạ	1243298	517532	-	0,074	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
331	Hồ thủy điện	LADA03	Xã La Dạ	1252937	519780	2.520,000	695,000	(a)	x	Công ty CP thủy điện Đa Nhim

	Hàm Thuận		Xã Đông Giang							- Hàm Thuận - Đa Mi
332	Hồ thủy điện Đa Mi	LADA04	Xã La Dạ Xã Đồng Kho	1243391	509429	600,000	140,800	(a)	x	Công ty CP thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
333	Hồ Cà Giang	BINHTHUAN01	Phường Bình Thuận	1212224	534198	-	0,730	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
334	Hồ Cẩm Hạng	BINHTHUAN02	Phường Bình Thuận	1215193	531237	76,740	0,990	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
335	Hồ Lúa	BINHTHUAN03	Phường Bình Thuận	1214275	533231	-	0,108	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
336	Hồ Sẻ	BINHTHUAN04	Phường Bình Thuận	1213515	532924	-	0,048	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
337	Hồ Bo Bo	HAININH01	Xã Hải Ninh	1251800	569731	12,400	0,510	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
338	Hồ Cà Giây	HAININH02	Xã Hải Ninh Xã Phan Sơn	1255418	569911	761,930	37,240	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
339	Hồ Sông Lũy	PHANSON01	Xã Phan Sơn	1257660	564054	1,505	99,900	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
340	Hồ thủy điện Bắc Bình	PHANSON02	Xã Phan Sơn	1267325	565606	46,000	5,890	(a)	x	Chi nhánh Công ty CP phát triển Điện lực Việt Nam - Nhà máy thủy điện Bắc Bình
341	Hồ Năm Heo	PHANSON03	Xã Phan Sơn Xã Lương Sơn	1251331	566052	-	0,700	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
342	Hồ Lòng Sông	TUYPHONG01	Xã Tuy Phong	1250015	599601	239,940	37,160	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
343	Hồ Phan Dũng	TUYPHONG02	Xã Tuy Phong	1262476	598815	238,800	13,670	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
344	Hồ Đá Bạc	VINHHAO01	Xã Vĩnh Hảo	1252298	608552	187,720	8,421	(a)	x	Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận
345	Hồ chứa nước số 1	PHUQUY01	Đặc khu Phú Quý	1164222	629151	0,540	0,012	(a)		UBND đặc khu Phú Quý
346	Hồ chứa nước số 2	PHUQUY02	Đặc khu Phú Quý	1166679	630622	1,035	0,037	(a)		UBND đặc khu Phú Quý
347	Đập Bon Bu Ja Rá	KIENDUC01	Xã Kiến Đức	1319158	476744	0,140	-	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
348	Đập Đắc Kê'h	KIENDUC02	Xã Kiến Đức	1312897	476202	0,230	0,100	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông

349	Đập Quảng Chánh	KIENDUC03	Xã Kiến Đức	1316203	477872	0,050	0,450	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
350	Đập Quảng Hòa	KIENDUC04	Xã Kiến Đức	1314897	476821	0,150	0,480	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
351	Đập Quảng Lộc	KIENDUC05	Xã Kiến Đức	1310517	476696	17,000	1,103	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
352	Đập Quảng Phước	KIENDUC06	Xã Kiến Đức	1314461	476455	0,220	0,660	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
353	Hồ Bon Bu Ja Rá	KIENDUC07	Xã Kiến Đức	1319036	477211	0,260	0,490	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
354	Hồ Cầu Tư	KIENDUC08	Xã Kiến Đức	1320208	476291	111,250	8,090	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
355	Hồ Da Dung	KIENDUC09	Xã Kiến Đức	1326184	472209	4,900	0,289	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
356	Hồ Đắc BLao	KIENDUC10	Xã Kiến Đức	1327739	473625	15,200	0,288	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
357	Hồ Đắc Côn	KIENDUC11	Xã Kiến Đức	1311011	478498	35,500	2,019	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
358	Hồ Đắc Jeng Tung	KIENDUC12	Xã Kiến Đức	1326334	467964	6,000	0,182	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
359	Hồ Đắc R'Tang	KIENDUC13	Xã Kiến Đức	1327759	475580	46,900	1,520	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
360	Hồ Thôn 9 (Kiến Thành)	KIENDUC14	Xã Kiến Đức	1323894	473491	15,600	0,610	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
361	Thủy lợi Quảng Thuận	KIENDUC15	Xã Kiến Đức	1315453	477839	0,100	0,030	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
362	Đập Đắc Krung	NHANCO01	Xã Nhân Cơ	1333186	480329	26,100	0,532	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
363	Hồ Bon Pi Nao	NHANCO02	Xã Nhân Cơ	1321341	481510	24,800	0,917	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
364	Hồ Đắc Nêr	NHANCO03	Xã Nhân Cơ	1320948	482763	23,600	0,990	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
365	Hồ Đắc R'Mur	NHANCO04	Xã Nhân Cơ	1318741	481519	19,000	0,971	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
366	Hồ Đắc R'Sung	NHANCO05	Xã Nhân Cơ	1318683	480122	10,900	0,651	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông

367	Hồ Nhân Cơ	NHANCO06	Xã Nhân Cơ	1324304	481247	23,900	1,104	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
368	Hồ Số 3	NHANCO07	Xã Nhân Cơ	1322859	483862	5,800	0,629	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
369	Hồ Thôn 11	NHANCO08	Xã Nhân Cơ	1323888	485784	10,000	0,461	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
370	Hồ Thôn 12	NHANCO09	Xã Nhân Cơ	1322513	487184	9,800	0,403	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
371	Hồ Thủy điện Nhân Cơ	NHANCO10	Xã Nhân Cơ	1325389	483027	4,760	0,095	(a)	x	Công ty TNHH MTV Hương Giang
372	Thủy lợi Bàu Muối	NHANCO11	Xã Nhân Cơ	1317737	486464	23,340	1,184	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
373	Hồ thủy điện Đắk R'Tih (bậc dưới)	NHANCO12	Xã Nhân Cơ Phường Đông Gia Nghĩa Phường Nam Gia Nghĩa	1319985	489610	12,500	1,808	(a)	x	Công ty cổ phần thủy điện Đắk R'Tih
374	Đập Đắk Kar	QUANGTIN01	Xã Quảng Tín	1315452	467233	0,700	-	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
375	Đập thôn 1	QUANGTIN02	Xã Quảng Tín	1311725	474144	0,380	0,340	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
376	Đập Thôn 5	QUANGTIN03	Xã Quảng Tín	1317715	472929	18,300	0,745	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
377	Đập thôn 8 Đắk Sin	QUANGTIN04	Xã Quảng Tín	1309122	467279	11,300	0,418	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
378	Hồ Đắk Ru I	QUANGTIN05	Xã Quảng Tín	1315514	463470	17,000	0,735	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
379	Hồ Đắk Ru II	QUANGTIN06	Xã Quảng Tín	1316580	464241	11,500	0,767	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
380	Hồ Đắk Sin	QUANGTIN07	Xã Quảng Tín	1309643	471131	22,000	0,624	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
381	Hồ Đắk Sinh (Hồ Thôn 5)	QUANGTIN08	Xã Quảng Tín	1312975	472375	34,500	1,164	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
382	Hồ Đắk Tát	QUANGTIN09	Xã Quảng Tín	1310580	469385	25,060	0,733	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
383	Hồ Đắk Xá	QUANGTIN10	Xã Quảng Tín	1313147	464733	15,000	0,408	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác

										CTTL Đắc Nông
384	Hồ Sa Da Co	QUANGTIN11	Xã Quảng Tín	1323224	465724	4,900	0,300	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
385	Hồ Thôn 2	QUANGTIN12	Xã Quảng Tín	1319690	466961	1,400	0,032	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
386	Hồ Thôn 2 (Đắc Sin)	QUANGTIN13	Xã Quảng Tín	1309508	472653	43,940	1,213	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
387	Hồ Thôn 5	QUANGTIN14	Xã Quảng Tín	1310709	470950	18,300	0,702	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
388	Hồ Thôn 9	QUANGTIN15	Xã Quảng Tín	1324250	464845	10,500	0,527	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
389	Hồ Thủy điện Đắc Kar	QUANGTIN16	Xã Quảng Tín	1309921	464288	113,120	11,436	(a)	x	Công ty cổ phần thủy điện Đắc Kar
390	Hồ Thủy điện Đắc Ru	QUANGTIN17	Xã Quảng Tín	1321801	462156	25,940	0,998	(a)	x	Công ty TNHH N&S
391	Hồ Thủy điện Đắc Sin 1	QUANGTIN18	Xã Quảng Tín	1307031	468131	150,000	18,900	(a)	x	Công ty cổ phần VRG - Đắc Nông
392	Hồ Thủy điện Quảng Tín	QUANGTIN19	Xã Quảng Tín	1323022	467304	48,830	0,909	(a)	x	Công ty TNHH N&S
393	Đập Đắc Glun 1	QUANGTAN01	Xã Quảng Tân	1330232	454512	11,400	0,461	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
394	Đập Đắc Glun 2	QUANGTAN02	Xã Quảng Tân	1329186	455315	10,400	0,461	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
395	Đập Đắc Glun 3	QUANGTAN03	Xã Quảng Tân	1327617	453331	9,300	0,563	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
396	Hồ Đắc Ngo	QUANGTAN04	Xã Quảng Tân	1334548	456289	42,150	2,890	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
397	Hồ Số 1	QUANGTAN05	Xã Quảng Tân	1327756	460736	20,600	0,824	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
398	Đập dâng bon Phung	QUANGTAN06	Xã Quảng Tân	1331581	475599	0,540	0,020	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
399	Hồ Số 2	QUANGTAN07	Xã Quảng Tân	1326413	459557	9,000	0,426	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
400	Đập dâng thôn 2	QUANGTAN08	Xã Quảng Tân	1334147	472204	0,280	0,030	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
401	Hồ Số 3	QUANGTAN09	Xã Quảng Tân	1325416	459661	14,000	0,383	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác

										CTTL Đắc Nông
402	Hồ chứa nước trường 6	QUANGTAN10	Xã Quảng Tân	1329997	472366	6,300	-	(a)		UBND xã Quảng Tân
403	Hồ Sô 4	QUANGTAN11	Xã Quảng Tân	1326199	461482	6,220	0,310	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
404	Đập Bon Bu Prăng 2	QUANGTRUC01	Xã Quảng Trục	1357391	451650	14,500	1,155	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
405	Đập Bon Đắc Bu Lum	QUANGTRUC02	Xã Quảng Trục	1352912	461831	4,200	0,138	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
406	Đập D2	QUANGTRUC03	Xã Quảng Trục	1359643	452025	16,500	0,789	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
407	Đập Đắc Huýt 2	QUANGTRUC04	Xã Quảng Trục	1358270	456764	0,730	0,030	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
408	Đập Đắc Huýt 4	QUANGTRUC05	Xã Quảng Trục	1358744	452946	16,000	0,378	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
409	Đập dâng Đắc Huýt 3	QUANGTRUC06	Xã Quảng Trục	1358189	455712	2,500	0,060	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
410	Hồ D1	QUANGTRUC07	Xã Quảng Trục	1357467	450608	5,900	0,266	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
411	Hồ Đắc Huýt	QUANGTRUC08	Xã Quảng Trục	1357511	458163	7,700	0,550	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
412	Hồ Đắc Ké	QUANGTRUC09	Xã Quảng Trục	1355404	458426	7,800	0,313	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
413	Hồ Đắc Ké 2	QUANGTRUC10	Xã Quảng Trục	1354767	457872	13,400	0,404	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
414	Hồ Đắc Zên	QUANGTRUC11	Xã Quảng Trục	1351929	460725	2,700	0,080	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
415	Hồ Thôn 2 (Pu Prăng)	QUANGTRUC12	Xã Quảng Trục	1360127	451815	3,800	0,133	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
416	Đập dâng Đắc Tih 1	TUYDUC01	Xã Tuy Đức	1336323	472623	20,000	0,020	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
417	Hồ Đắc Bliêng	TUYDUC02	Xã Tuy Đức	1338684	472823	4,300	0,210	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
418	Hồ Đắc BLung	TUYDUC03	Xã Tuy Đức	1350977	465854	19,990	0,562	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác

										CTTL Đắc Nông
419	Hồ Đắc Bu R'ley	TUYDUC04	Xã Tuy Đức	1339523	473150	10,000	0,125	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
420	Hồ Đắc Buk So	TUYDUC05	Xã Tuy Đức	1350989	470014	20,760	1,120	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
421	Hồ Đắc Ría	TUYDUC06	Xã Tuy Đức	1335571	470951	37,500	1,049	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
422	Hồ Đắc R'Ma	TUYDUC07	Xã Tuy Đức	1347773	473097	7,600	0,263	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
423	Hồ Đắc R'Tih	TUYDUC08	Xã Tuy Đức	1341013	470541	30,300	1,808	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
424	Hồ Đắc Tiên Tranh (sinh cỏ)	TUYDUC09	Xã Tuy Đức	1354537	470763	46,000	1,335	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
425	Hồ Doãn Văn	TUYDUC10	Xã Tuy Đức	1336383	469547	23,000	0,915	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
426	Hồ Thôn 2	TUYDUC11	Xã Tuy Đức	1347517	466446	9,100	0,175	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
427	CTTL Đắc Sơn 3	DAKSONG01	Xã Đắc Song	1367843	485876	18,300	0,872	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
428	Đập dâng Y Oanh	DAKSONG02	Xã Đắc Song	1374002	489846	0,200	-	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
429	Hồ Cư PRông	DAKSONG03	Xã Đắc Song	1371979	488837	3,600	0,109	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
430	Hồ Đắc Mol	DAKSONG04	Xã Đắc Song	1369976	488574	33,010	0,750	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
431	Công trình thủy lợi Đắc Kuăl	DUCAN01	Xã Đức An	1352584	480102	27,440	1,225	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
432	Công trình thủy lợi Đắc Rlon	DUCAN02	Xã Đức An	1355999	485129	23,110	0,909	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
433	Đập thôn 10 (Dâng Trô)	DUCAN03	Xã Đức An	1350956	482331	3,000	0,175	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
434	Hồ Đắc Kual 5	DUCAN04	Xã Đức An	1349621	478868	11,400	0,228	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
435	Hồ Đắc	DUCAN05	Xã Đức An	1355389	483928	4,800	0,327	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác

	Mruông									CTTL Đắc Nông
436	Hồ Đắc Pông Bê	DUCAN06	Xã Đức An	1349305	477866	10,990	0,749	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
437	Hồ Suối Đá	DUCAN07	Xã Đức An	1352945	477905	10,360	0,600	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
438	Hồ Thôn 2	DUCAN08	Xã Đức An	1349465	481114	9,000	0,145	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
439	Hồ Thôn 5	DUCAN09	Xã Đức An	1349881	480971	1,780	0,750	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
440	Hồ Thôn 7 (Bu Bong)	DUCAN10	Xã Đức An	1351068	481097	2,440	0,120	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
441	Hồ Xơ Re	DUCAN11	Xã Đức An	1350746	481470	1,000	0,229	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
442	Hồ Xu Đăng (Dâng Dri)	DUCAN12	Xã Đức An	1351798	482246	3,400	0,068	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
443	Hồ 661	THUANHANH01	Xã Thuận Hạnh	1357610	467769	8,420	0,410	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
444	Hồ Đắc Mrung	THUANHANH02	Xã Thuận Hạnh	1361702	476658	17,540	0,580	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
445	Hồ Đắc Toa	THUANHANH03	Xã Thuận Hạnh	1356827	472459	40,400	2,018	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
446	Hồ Sinh Muống	THUANHANH04	Xã Thuận Hạnh	1359961	474032	56,730	1,431	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
447	Hồ Thuận Tân	THUANHANH05	Xã Thuận Hạnh	1361952	479747	5,540	0,290	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
448	Hồ Thuận Thành	THUANHANH06	Xã Thuận Hạnh	1363344	477755	14,140	0,743	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
449	Công trình thủy lợi Đắc Cai	TRUONGXUAN01	Xã Trường Xuân	1336954	489615	8,030	0,273	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
450	Công trình thủy lợi Đắc Lép	TRUONGXUAN02	Xã Trường Xuân	1349986	483547	16,700	0,674	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
451	Đập Đắc Nhai	TRUONGXUAN03	Xã Trường Xuân	1334788	487846	21,900	1,065	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông

452	Hồ Thôn 2 (Trường Xuân)	TRUONGXUAN04	Xã Trường Xuân	1334002	490382	17,100	0,549	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
453	Hồ Thôn 3	TRUONGXUAN05	Xã Trường Xuân	1338474	491460	7,500	0,250	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
454	Hồ thủy điện Đắk Rung	TRUONGXUAN06	Xã Trường Xuân	1345737	485986	96,000	6,740	(a)	x	Công ty cổ phần công trình Việt Nguyên
455	Hồ thủy điện Đắk Rung 1	TRUONGXUAN07	Xã Trường Xuân	1341277	487505	26,590	1,600	(a)	x	Công ty TNHH Bình Minh
456	Thủy lợi Năm N'Jang	TRUONGXUAN08	Xã Trường Xuân	1347495	486563	16,180	0,564	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
457	Công trình thủy lợi Đắk Nur	BACGIANGHIA01	Phường Bắc Gia Nghĩa	1327758	494113	3,000	-	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
458	Hồ Bãi Nứa	BACGIANGHIA02	Phường Bắc Gia Nghĩa	1330116	491371	2,900	0,150	(a)	x	UBND phường Bắc Gia Nghĩa
459	Hồ Cống 20	BACGIANGHIA03	Phường Bắc Gia Nghĩa	1338424	505135	3,550	0,160	(a)	x	UBND phường Bắc Gia Nghĩa
460	Hồ Đắk Bông	BACGIANGHIA04	Phường Bắc Gia Nghĩa	1334604	503134	3,100	0,170	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
461	Hồ Đắk Ha	BACGIANGHIA05	Phường Bắc Gia Nghĩa	1336276	503194	15,600	0,689	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
462	Hồ Đắk Nút	BACGIANGHIA06	Phường Bắc Gia Nghĩa	1328683	496759	14,620	0,644	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
463	Hồ Đắk Pruh	BACGIANGHIA07	Phường Bắc Gia Nghĩa	1335481	502618	3,410	0,570	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
464	Hồ Đắk R'tiêng	BACGIANGHIA08	Phường Bắc Gia Nghĩa	1331713	502601	3,210	0,169	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
465	Hồ dốc Bình Long 1	BACGIANGHIA09	Phường Bắc Gia Nghĩa	1338482	502041	2,680	0,160	(a)	x	UBND phường Bắc Gia Nghĩa
466	Hồ dốc Bình Long 2	BACGIANGHIA10	Phường Bắc Gia Nghĩa	1339654	501563	1,490	0,140	(a)		UBND phường Bắc Gia Nghĩa
467	Hồ Ea Nung	BACGIANGHIA11	Phường Bắc Gia Nghĩa	1331762	501388	22,280	0,450	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
468	Hồ Rẫy Mới	BACGIANGHIA12	Phường Bắc Gia Nghĩa	1330013	495507	3,600	0,575	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
469	Hồ Tân Thanh	BACGIANGHIA13	Phường Bắc Gia	1331276	492616	4,400	0,200	(a)	x	UBND phường Bắc Gia Nghĩa

			Nghĩa							
470	Hồ Thiên Nga	BACGIANGHIA14	Phường Bắc Gia Nghĩa	1327338	492251	18,400	0,700	(a)	x	UBND phường Bắc Gia Nghĩa
471	Hồ Thôn 1	BACGIANGHIA15	Phường Bắc Gia Nghĩa	1337681	504950	1,730	0,072	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
472	Hồ Thượng	BACGIANGHIA16	Phường Bắc Gia Nghĩa	1331318	493493	23,580	0,550	(a)	x	UBND phường Bắc Gia Nghĩa
473	Hồ thủy điện Đắk Nông 1	BACGIANGHIA17	Phường Bắc Gia Nghĩa	1323152	490846	5,700	0,180	(a)	x	Công ty cổ phần công trình Việt Nguyên
474	Hồ Trảng Ba	BACGIANGHIA18	Phường Bắc Gia Nghĩa	1326567	502847	10,000	0,270	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
475	Hồ Trung Tâm	BACGIANGHIA19	Phường Bắc Gia Nghĩa	1327699	493064	108,000	7,800	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
476	Hồ trung tâm xã Đắk Ha	BACGIANGHIA20	Phường Bắc Gia Nghĩa	1335955	503786	6,950	0,600	(a)	x	UBND phường Bắc Gia Nghĩa
477	Hồ Chế Biên	DONGGIANGHIA01	Phường Đông Gia Nghĩa	1322793	497166	9,500	0,690	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
478	Hồ Đắk Cút	DONGGIANGHIA02	Phường Đông Gia Nghĩa	1323912	500645	12,200	0,790	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
479	Hồ Đắk Noh (Đắk Đỏ)	DONGGIANGHIA03	Phường Đông Gia Nghĩa	1322740	501407	29,100	0,427	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
480	Hồ Đắk Rial	DONGGIANGHIA04	Phường Đông Gia Nghĩa	1321850	496863	5,900	0,306	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
481	Hồ Fai Kol Poul Đăng	DONGGIANGHIA05	Phường Đông Gia Nghĩa	1321565	495779	7,600	0,501	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
482	Hồ giáp hồ Sinh Ba	DONGGIANGHIA06	Phường Đông Gia Nghĩa	1323017	493252	8,570	0,257	(a)	x	UBND phường Đông Gia Nghĩa
483	Hồ Hạ	DONGGIANGHIA07	Phường Đông Gia Nghĩa	1326913	492822	4,411	0,132	(a)	x	UBND phường Đông Gia Nghĩa
484	Hồ Khách sạn Logde	DONGGIANGHIA08	Phường Đông Gia Nghĩa	1326096	494426	1,800	0,054	(a)		UBND phường Đông Gia Nghĩa
485	Hồ mặt trận	DONGGIANGHIA09	Phường Đông Gia Nghĩa	1326694	493092	6,000	0,180	(a)	x	UBND phường Đông Gia Nghĩa
486	Hồ Nam Dạ	DONGGIANGHIA10	Phường Đông Gia Nghĩa	1324790	496580	10,700	1,240	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
487	Hồ Sinh Ba	DONGGIANGHIA11	Phường Đông Gia	1322560	492670	4,000	0,604	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác

			Nghĩa							CTTL Đắk Nông
488	Hồ TĐC Đắk Nĩa 1	DONGGIANGHIA12	Phường Đông Gia Nghĩa	1326029	494846	2,400	0,072	(a)	x	UBND phường Đông Gia Nghĩa
489	Hồ TĐC Đắk Nĩa 2	DONGGIANGHIA13	Phường Đông Gia Nghĩa	1325736	494986	1,400	0,042	(a)		UBND phường Đông Gia Nghĩa
490	Hồ Thôn 2B	DONGGIANGHIA14	Phường Đông Gia Nghĩa	1322754	494248	9,600	0,410	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
491	Hồ Thượng Thác Liêng Lung	DONGGIANGHIA15	Phường Đông Gia Nghĩa	1322464	498200	21,740	0,870	(a)	x	UBND phường Đông Gia Nghĩa
492	Hồ Tổ 5	DONGGIANGHIA16	Phường Đông Gia Nghĩa	1324344	494760	9,600	0,650	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
493	Hồ Tổ 6	DONGGIANGHIA17	Phường Đông Gia Nghĩa	1323863	493851	1,410	0,305	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
494	Hồ Đại La	NAMGIANGHIA01	Phường Nam Gia Nghĩa	1329938	492726	2,500	<0,500	(a)	x	UBND phường Nam Gia Nghĩa
495	Hồ Tân Hiệp 1	NAMGIANGHIA02	Phường Nam Gia Nghĩa	1330679	487437	19,500	0,775	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
496	Hồ thủy điện Đắk Nông	NAMGIANGHIA03	Phường Nam Gia Nghĩa	1323467	490838	10,000	0,265	(a)	x	Công ty cổ phần công trình Việt Nguyên
497	Hồ Thủy điện Đắk Nông 2	NAMGIANGHIA04	Phường Nam Gia Nghĩa	1323556	463972	2,050	0,110	(a)	x	Công ty cổ phần thủy điện Á Đông
498	Hồ Thủy lợi Nghĩa Phú	NAMGIANGHIA05	Phường Nam Gia Nghĩa	1329708	491259	2,090	0,689	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
499	Hồ thủy lợi Tổ 3	NAMGIANGHIA06	Phường Nam Gia Nghĩa	1329231	492609	1,900	0,610	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
500	Hồ thủy điện Đắk R'Tih (bậc trên)	NAMGIANGHIA07	Phường Nam Gia Nghĩa Xã Nhân Cơ	1326442	488007	1.023,000	137,080	(a)	x	Công ty cổ phần thủy điện Đắk R'Tih
501	Công trình thủy lợi Làng Dao	QUANGHOA01	Xã Quảng Hòa	1347940	535711	1,300	<0,500	(a)		UBND xã Quảng Hòa
502	Trần dâng - CTTL Suối Đá	QUANGHOA02	Xã Quảng Hòa	1345879	534438	0,100	<0,500	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông
503	Công trình thủy lợi Nder	QUANGKHE01	Xã Quảng Khê	1316138	509591	6,600	0,414	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông

504	Đập dâng Đắc Plao	QUANGKHE02	Xã Quảng Khê	1320226	509262	12,300	-	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
505	Hồ Bas Rai	QUANGKHE03	Xã Quảng Khê	1312829	502613	8,000	0,750	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
506	Hồ Cầu Đường	QUANGKHE04	Xã Quảng Khê	1317151	504477	2,320	0,190	(a)	x	UBND xã Quảng Khê
507	Hồ Đắc Hlang	QUANGKHE05	Xã Quảng Khê	1315040	503292	11,310	0,544	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
508	Hồ Đắc Mbuóch	QUANGKHE06	Xã Quảng Khê	1316963	504676	1,560	0,640	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
509	Hồ Đắc Srê	QUANGKHE07	Xã Quảng Khê	1318070	507855	18,400	0,902	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
510	Hồ Nao Ma A	QUANGKHE08	Xã Quảng Khê	1317017	505875	9,800	0,569	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
511	Hồ Số 1	QUANGKHE09	Xã Quảng Khê	1320942	512783	42,000	0,114	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
512	Hồ Số 2	QUANGKHE10	Xã Quảng Khê	1323119	510610	5,580	0,208	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
513	Hồ Số 3	QUANGKHE11	Xã Quảng Khê	1322251	509322	5,700	0,120	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
514	Hồ Thôn 2	QUANGKHE12	Xã Quảng Khê	1321418	509900	5,730	0,413	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
515	Hồ Thôn 2 (Nao Kon Đoi)	QUANGKHE13	Xã Quảng Khê	1318029	504230	16,800	0,410	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
516	Hồ Thôn 3	QUANGKHE14	Xã Quảng Khê	1315219	503831	1,500	0,692	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
517	Hồ Thôn 4	QUANGKHE15	Xã Quảng Khê	1317805	506731	7,540	0,560	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
518	Hồ thủy điện Đắc K'Long	QUANGKHE16	Xã Quảng Khê	1317072	499347	7,000	0,283	(a)	x	Công ty TNHH xây dựng Thăng Long
519	Hồ Trường học	QUANGKHE17	Xã Quảng Khê	1317412	504798	5,700	0,215	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
520	Hồ Ba Trong	QUANGSON01	Xã Quảng Sơn	1343772	511583	5,800	0,260	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
521	Hồ Công ty 847	QUANGSON02	Xã Quảng Sơn	1342713	513921	16,400	1,098	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
522	Hồ Đắc Pin	QUANGSON03	Xã Quảng Sơn	1345495	514168	22,600	0,360	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác

										CTTL Đắc Nông
523	Hồ Đắc Snao 1 (Hồ 882A)	QUANGSON04	Xã Quảng Sơn	1340250	517577	2,390	0,221	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
524	Hồ Đắc Snao 2 (Hồ 882B)	QUANGSON05	Xã Quảng Sơn	1339882	518914	23,600	0,130	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
525	Hồ Đắc Snao 3	QUANGSON06	Xã Quảng Sơn	1338837	520815	11,340	0,710	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
526	Hồ Đắc Spin	QUANGSON07	Xã Quảng Sơn	1347233	513529	44,130	1,250	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
527	Hồ Đèo 52	QUANGSON08	Xã Quảng Sơn	1355342	523011	5,510	0,240	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
528	Hồ Km 41	QUANGSON09	Xã Quảng Sơn	1348839	518189	29,240	0,729	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
529	Hồ Thôn 2	QUANGSON10	Xã Quảng Sơn	1344507	512920	0,800	0,336	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
530	Hồ Thôn 3A+3B	QUANGSON11	Xã Quảng Sơn	1344177	513954	0,600	0,165	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
531	Hồ Thôn 3B	QUANGSON12	Xã Quảng Sơn	1343750	513998	1,400	0,045	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
532	Hồ Thôn 3B Bon Sa Nar	QUANGSON13	Xã Quảng Sơn	1343175	516654	16,800	0,626	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
533	Hồ Thủy điện	QUANGSON14	Xã Quảng Sơn	1344150	514183	27,600	1,200	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
534	Hồ thủy điện Đắc N'Teng	QUANGSON15	Xã Quảng Sơn	1348798	518990	264,700	25,490	(a)	x	Công ty TNHH thủy điện Mê Kông II
535	Thủy lợi Đắc N'der 2	QUANGSON16	Xã Quảng Sơn	1345120	512092	16,980	0,487	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
536	Đập thủy lợi Bon B'Srê B	TADUNG01	Xã Tà Đùng	1315378	521134	1,000	0,049	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
537	Hồ B'Dong	TADUNG02	Xã Tà Đùng	1314009	517257	14,000	0,520	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
538	Hồ Bi Zê Rê	TADUNG03	Xã Tà Đùng	1313340	517512	6,200	0,390	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
539	Hồ Chum Ia	TADUNG04	Xã Tà Đùng	1313862	518653	8,000	0,700	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
540	Hồ Dạ Hang	TADUNG05	Xã Tà Đùng	1334148	516060	8,000	0,700	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác

	Lang									CTTL Đắc Nông
541	Hồ Đắc Snao	TADUNG06	Xã Tà Đùng	1335344	518439	22,700	0,595	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
542	Thủy lợi thôn 5	TADUNG07	Xã Tà Đùng	1315747	523444	4,100	0,253	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
543	Đập dâng Đắc Sôr	DAKSAK01	Xã Đắc Săk	1376856	497093	0,110	0,300	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
544	Đập dâng Thanh Sơn	DAKSAK02	Xã Đắc Săk	1381421	503677	0,370	0,300	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
545	Đập Thọ Hoàng	DAKSAK03	Xã Đắc Săk	1375851	491391	1,260	0,040	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
546	Hồ chứa nước Nam Xuân	DAKSAK04	Xã Đắc Săk	1377222	504054	69,560	9,298	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
547	Hồ E29	DAKSAK05	Xã Đắc Săk	1372406	492609	22,000	0,720	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
548	Hồ thủy điện Đắc Sôr 2	DAKSAK06	Xã Đắc Săk	1376752	497012	13,300	0,429	(a)	x	Công ty cổ phần thủy điện Phú Lâm
549	Hồ Đắc Ri	KRONGNO01	Xã Krông Nô	1376171	501636	15,000	0,385	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
550	Hồ Đắc Ri 2	KRONGNO02	Xã Krông Nô	1376469	502028	2,000	0,500	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
551	Hồ Đắc Rồ	KRONGNO03	Xã Krông Nô	1374827	510373	91,400	12,230	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
552	Hồ Đắc Tân	KRONGNO04	Xã Krông Nô	1377137	504648	0,580	0,028	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
553	Hồ Exa Nô	KRONGNO05	Xã Krông Nô	1375567	517620	72,570	-	(a)	x	UBND xã Krông Nô
554	Hồ Thị trấn	KRONGNO06	Xã Krông Nô	1377998	511690	18,000	-	(a)	x	UBND xã Krông Nô
555	Đập dâng thôn Đắc Thành	NAMDA01	Xã Nam Đà	1383727	510405	0,800	0,300	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
556	Đập dâng thôn Đắc Trung	NAMDA02	Xã Nam Đà	1384541	510783	0,500	0,300	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
557	Đập dâng thôn Quảng Hà	NAMDA03	Xã Nam Đà	1386905	512354	1,200	0,380	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
558	Đập dâng và phai chắn suối	NAMDA04	Xã Nam Đà	1381339	515015	0,230	0,040	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông

	Nam Đà (thôn Nam Tân)									
559	Hồ Da	NAMDA05	Xã Nam Đà	1380871	516122	0,120	-	(a)		UBND xã Nam Đà
560	Hồ Nam Đà (Đắc Mâm)	NAMDA06	Xã Nam Đà	1379216	511142	103,940	3,265	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
561	Hồ thủy điện Buôn Kuốp	NAMDA07	Xã Nam Đà	1385727	518783	557,000	63,200	(a)	x	Công ty thủy điện Buôn Kuốp
562	Hồ trung chuyển	NAMDA08	Xã Nam Đà	1379054	512144	3,500	-	(a)	x	UBND xã Nam Đà
563	Phai chắn nước đập cũ Nam Đà	NAMDA09	Xã Nam Đà	1379738	513523	5,300	-	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
564	Hồ Buôn R'cập	NAMNUNG01	Xã Nâm Nung	1369199	502108	9,500	0,599	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
565	Hồ Đắc Hou	NAMNUNG02	Xã Nâm Nung	1371206	513256	16,300	0,637	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
566	Hồ Đắc Mhang	NAMNUNG03	Xã Nâm Nung	1370445	508470	38,700	0,657	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
567	Hồ Đắc Pok	NAMNUNG04	Xã Nâm Nung	1370350	513317	21,400	0,856	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
568	Hồ Đắc Viêng	NAMNUNG05	Xã Nâm Nung	1368569	509103	40,400	1,018	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
569	Hồ sen 34	NAMNUNG06	Xã Nâm Nung	1369599	517478	13,000	-	(a)	x	UBND xã Nâm Nung
570	Hồ thủy điện Nam Long	NAMNUNG07	Xã Nâm Nung	1363575	512049	11,750	0,396	(a)	x	Công ty cổ phần Đầu tư và quản lý điện năng Đắc Nông
571	Công trình thủy lợi Buôn Lang	QUANGPHU01	Xã Quảng Phú	1358397	524509	9,500	0,369	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
572	Hồ Buôn Dơng	QUANGPHU02	Xã Quảng Phú	1356854	523928	6,600	0,174	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
573	Hồ Đắc Nang	QUANGPHU03	Xã Quảng Phú	1361329	519827	129,200	3,600	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
574	Hồ thủy điện Buôn Tua Srah	QUANGPHU04	Xã Quảng Phú	1358619	531164	1.083,710	786,900	(a)	x	Công ty thủy điện Buôn Kuốp
575	Hồ thủy điện Chư Pông Krông	QUANGPHU05	Xã Quảng Phú	1359866	524187	156,400	2,900	(a)	x	Công ty TNHH MTV xây lắp điện Hưng Phúc

576	Hồ Trung chuyển Đắc Nang	QUANGPHU06	Xã Quảng Phú	1361483	519520	2,013	0,053	(a)	x	UBND xã Quảng Phú
577	Công trình Đắc Goun	DAKMIL01	Xã Đắc Mil	1380959	493818	8,010	0,192	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
578	Công trình Đắc Láp	DAKMIL02	Xã Đắc Mil	1385172	503207	7,000	0,167	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
579	Công trình Đắc NDRót	DAKMIL03	Xã Đắc Mil	1384290	494435	4,100	0,228	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
580	Công trình Đô Ry I	DAKMIL04	Xã Đắc Mil	1382276	498345	6,100	0,292	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
581	CTTL Đô Ry II	DAKMIL05	Xã Đắc Mil	1383977	498969	8,500	0,742	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
582	Hồ Bắc Sơn 1	DAKMIL06	Xã Đắc Mil	1387767	508014	22,500	1,330	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
583	Hồ Đắc Rla	DAKMIL07	Xã Đắc Mil	1384303	496289	7,000	0,654	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
584	Hồ Lâm Trường Đắc Gần	DAKMIL08	Xã Đắc Mil	1387326	504491	1,580	0,062	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
585	Công trình thủy lợi Jun Juh	DUCLAP01	Xã Đức Lập	1372406	487265	29,870	0,620	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
586	Đập HTX Mạnh Thắng (Y ren)	DUCLAP02	Xã Đức Lập	1377136	487799	2,750	0,340	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
587	Đập Ông Hứa	DUCLAP03	Xã Đức Lập	1377899	491266	0,020	0,500	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
588	Đập Ông Truyền	DUCLAP04	Xã Đức Lập	1374950	485769	1,000	0,182	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
589	Đập Thái Bá Long	DUCLAP05	Xã Đức Lập	1375489	489024	2,000	0,380	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
590	Hồ Đắc Săk	DUCLAP06	Xã Đức Lập	1371099	485138	204,000	6,500	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
591	Hồ Đội 3	DUCLAP07	Xã Đức Lập	1379102	490165	4,800	0,430	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông

592	Hồ Mạnh Tiến	DUCLAP08	Xã Đức Lập	1378021	491354	4,000	0,163	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
593	Hồ Ông Đăng	DUCLAP09	Xã Đức Lập	1378283	491696	1,190	0,490	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
594	Hồ Tây	DUCLAP10	Xã Đức Lập	1375968	485856	104,000	3,330	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
595	Hồ Thác Hôn	DUCLAP11	Xã Đức Lập	1384803	490728	15,000	0,774	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
596	Hồ Vạn Xuân	DUCLAP12	Xã Đức Lập	1376562	486722	2,430	0,040	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
597	Công trình Đập Đắc Puer	THUANAN01	Xã Thuận An	1373272	479513	12,000	0,870	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
598	Công trình Đập Yok Lom	THUANAN02	Xã Thuận An	1368584	481467	13,580	0,514	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
599	Công trình hồ Đắc Ken (6B)	THUANAN03	Xã Thuận An	1377834	485144	2,000	0,202	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
600	Công trình hồ Đắc Loou	THUANAN04	Xã Thuận An	1379982	486779	4,000	0,208	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
601	Công trình hồ Đắc Mbai	THUANAN05	Xã Thuận An	1381586	486045	2,100	0,092	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
602	Công trình hồ Đắc Sai	THUANAN06	Xã Thuận An	1378931	482947	2,600	0,133	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
603	Đập Đắc Goun thượng	THUANAN07	Xã Thuận An	1370526	483671	15,000	0,528	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
604	Đập Ông Hiên	THUANAN08	Xã Thuận An	1373697	485360	3,000	0,156	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
605	Đập Sapa (Hồ đội 3)	THUANAN09	Xã Thuận An	1372206	482559	1,130	0,050	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
606	Hồ 35 (Hồ Khu B)	THUANAN10	Xã Thuận An	1377171	482450	3,200	0,110	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
607	Hồ Bu Đắc	THUANAN11	Xã Thuận An	1373288	483469	15,000	0,506	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
608	Hồ chứa nước 40	THUANAN12	Xã Thuận An	1376035	482067	5,100	0,102	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
609	Hồ chứa nước Đội 2	THUANAN13	Xã Thuận An	1374907	482957	12,000	0,370	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông

610	Hồ Đội 1	THUANAN14	Xã Thuận An	1375704	483683	20,000	0,600	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
611	Hồ Đội 4	THUANAN15	Xã Thuận An	1374431	483537	1,000	0,600	(a)		Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
612	Hồ Lâm Trường Thuận An	THUANAN16	xã Thuận An	1366580	480809	8,000	0,300	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
613	Hồ Nông Trường Thuận An	THUANAN17	Xã Thuận An	1374769	480805	9,000	0,315	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
614	Hồ Núi Lửa	THUANAN18	Xã Thuận An	1371132	481624	25,00	0,800	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
615	Hồ Tăng Gia	THUANAN19	Xã Thuận An	1377341	481783	3,740	0,370	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
616	Hồ Buôn Buôr	CUJUT01	Xã Cư Jút	1395545	517649	8,860	0,299	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
617	Hồ Đắc Diêr	CUJUT02	Xã Cư Jút	1392720	504589	150,500	5,501	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
618	Hồ thủy điện Hòa Phú	CUJUT03	Xã Cư Jút	1398591	517358	160,000	5,010	(a)	x	Công ty cổ phần điện Tam Long
619	Hồ Trúc	CUJUT04	Xã Cư Jút	1392893	515115	13,300	0,201	(a)	x	UBND xã Cư Jút
620	Hồ Trúc Sơn	CUJUT05	Xã Cư Jút	1390510	510643	18,000	1,150	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
621	Hồ Việt Xô	CUJUT06	Xã Cư Jút	1390990	516734	1,100	<0,500	(a)		UBND xã Cư Jút
622	Hồ thủy điện Đrây H'Linh 2	DAKWIL01	Xã Đắc Wil	1401786	516487	16,000	1,530	(a)	x	Công ty cổ phần thủy điện điện lực 3
623	Hồ thủy điện Srêpôk 3	DAKWIL02	Xã Đắc Wil	1409944	513849	1.768,000	219,000	(a)	x	Công ty thủy điện Buôn Kuốp
624	Hồ thủy điện Srêpôk 4	DAKWIL03	Xã Đắc Wil	1416361	511232	316,000	25,940	(a)	x	Công ty CP đầu tư và phát triển điện Đại Hải
625	Hồ Tiểu khu 839	DAKWIL04	Xã Đắc Wil	1407878	506364	10,400	0,216	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
626	Hồ Tiểu khu 840	DAKWIL05	Xã Đắc Wil	1409111	507576	19,400	0,633	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
627	Công trình thủy lợi Ea	NAMDONG01	Xã Nam Dong	1398778	503434	11,150	0,316	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông

	Diên									
628	Hồ Cự Pu	NAMDONG02	Xã Nam Dong	1397882	513889	21,000	0,531	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông
629	Hồ Đắc Đ'rông	NAMDONG03	Xã Nam Dong	1395418	503667	101,300	2,472	(a)	x	Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắc Nông

Ghi chú:

1. Chức năng (1):

(a): Điều hòa, cấp nước, phòng, chống ngập úng, tạo cảnh quan, môi trường,

(b): Bảo vệ, bảo tồn hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, giá trị văn hóa, đa dạng sinh học,

2. Ký hiệu “-”: chưa có thông tin chính xác